

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

(Giấy CNDKDN số 0304789925 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/05/2012)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2017)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Trụ sở chính: 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

2. CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM

Chi nhánh Sài Gòn: 60 – 70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Nguyễn Thành Phúc

Số điện thoại: (028) 3829 7147

Chức vụ: Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

(Giấy CNDKDN số 0304789925 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/01/2007 và
đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/05/2012)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	BTW
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	9.360.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	93.600.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3824 1990 Fax: (04) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Trụ sở chính: Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 336 333 Fax: (08) 38 333 891

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

Chi nhánh Sài Gòn: 60-70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 218 666 Fax: (08) 39 144 136

Website: www.dag.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về tăng trưởng.....	6
3. Rủi ro về luật pháp	9
4. Rủi ro đặc thù	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức niềm yết	12
2. Tổ chức tư vấn.....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIỀM YẾT.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
1.1 Giới thiệu về tổ chức niềm yết.....	14
1.2 Quá trình hình thành, phát triển	14
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	15
2.1 Đại hội đồng cổ đông.....	17
2.2 Hội đồng quản trị.....	17
2.3 Ban kiểm soát	18
2.4 Ban Giám đốc.....	19
2.5 Các phòng ban, đơn vị trong Công ty	19
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông	31
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ	31
3.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....	32
3.3 Cơ cấu cổ đông	32
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niềm yết, những công ty mà tổ chức niềm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niềm yết.....	32
5. Hoạt động kinh doanh	33
5.1 Ngành nghề kinh doanh chính:	33
5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	34
5.3 Nguyên vật liệu.....	40
5.4 Chi phí sản xuất:	41
5.5 Trình độ công nghệ	42
5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	43
5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	43
5.8 Hoạt động tiếp thị (marketing):	44

5.9	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i>	44
5.10	<i>Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết</i>	45
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	46
6.1	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 – 2016 và 6 Tháng đầu năm 2017</i>	46
6.2	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2016</i>	48
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	49
7.1	<i>Tổng quan ngành cấp nước</i>	49
7.2	<i>Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành</i>	50
7.3	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	54
7.4	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới</i>	54
8.	Chính sách đối với người lao động	54
8.1	<i>Số lượng lao động trong Công ty</i>	54
8.2	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	55
9.	Chính sách cổ tức	56
10.	Tình hình hoạt động tài chính	57
10.1	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	57
10.2	<i>Thu nhập bình quân của người lao động</i>	57
10.3	<i>Thanh toán các khoản nợ đến hạn</i>	57
10.4	<i>Các khoản phải nộp theo luật định</i>	57
10.5	<i>Trích lập các quỹ</i>	58
10.6	<i>Tổng dư nợ vay</i>	58
10.7	<i>Tình hình công nợ hiện nay</i>	58
10.8	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	61
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	62
11.1	<i>Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.</i> ...	62
11.2	<i>Sơ yếu lý lịch</i>	63
❖	<i>Hội đồng quản trị</i>	63
❖	<i>Ban kiểm soát</i>	72
❖	<i>Ban Giám đốc</i>	75
❖	<i>Kế toán trưởng</i>	78
12.	Tài sản	79
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017	83
13.1	<i>Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính:</i>	83
13.2	<i>Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên</i>	83
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	85
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	85
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	85

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	86
1. Loại cổ phiếu	86
2. Mệnh giá	86
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	86
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	86
5. Phương pháp tính giá.....	87
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	89
7. Các loại thuế có liên quan	89
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	91
1. Tổ chức tư vấn.....	91
2. Tổ chức kiểm toán	91
VII. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH.....	92

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là điều không thể tránh khỏi. Bất cứ thị trường nào, dù phát triển hay đang phát triển, mới nổi hay cận biên,... cũng đều chịu sự chi phối của nhân tố này. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Nền kinh tế hội nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà rủi ro đó đem lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước sự thay đổi của các nhân tố đó.

2. Rủi ro về tăng trưởng

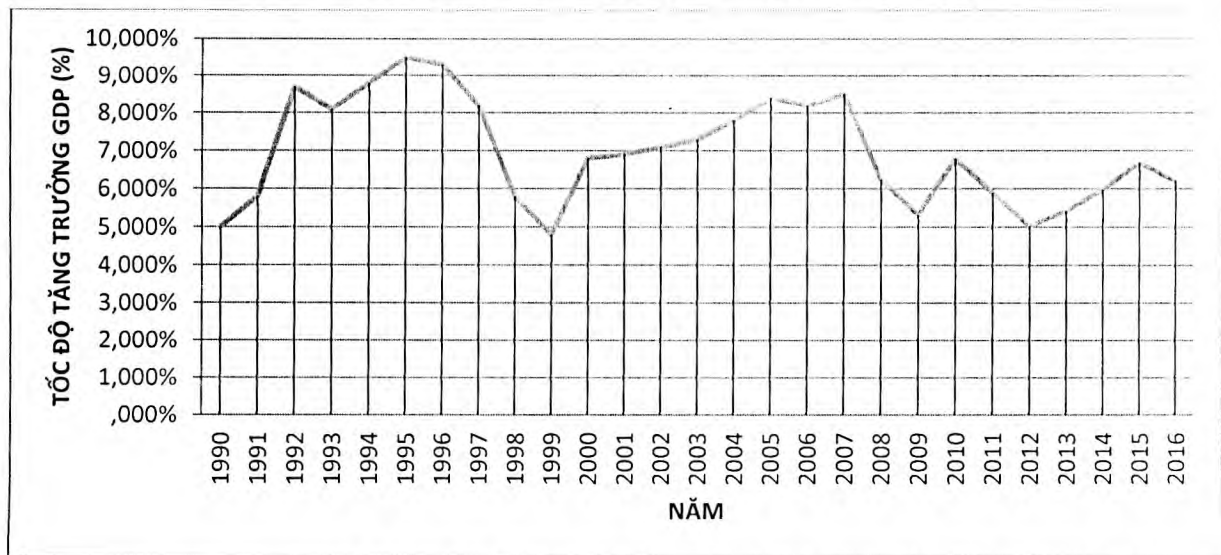
Nền kinh tế tăng trưởng tích cực và được dự báo có tăng trưởng tích cực được xem là nền tảng giúp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngắn hạn và là tác động phát tín hiệu để duy trì hoạt động đó trong trung và dài hạn. GDP (tổng sản phẩm quốc nội) được xem là thước đo tổng quát nhất cho sự tăng trưởng đó. Khi nền kinh tế phát triển về chiều rộng, Công ty sẽ được hưởng lợi từ nhu cầu sử dụng nước, nhất là nguồn thu từ hoạt động cung cấp nước cho các đối tượng thuộc các lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch,... đây là những đối tượng khách hàng chính của Công ty từ trước đến nay. Bên cạnh đó, nền kinh tế phát triển cùng với tốc độ đô thị hóa cao làm tăng nhu cầu nước sạch từ phía hộ gia đình cũng đóng góp vào nguồn thu lớn cho Công ty.

Năm 2016 nói riêng và giai đoạn 2011-2016 nói chung đánh dấu sự hồi phục mạnh mẽ trong sức khỏe của nền kinh tế và đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi chứng kiến hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết. Vẫn còn đó rủi ro từ sự đi xuống của Trung Quốc, động thái tăng lãi suất của Mỹ (gây lo ngại về sự dịch chuyển dòng vốn tại các thị trường mới nổi) hay những mâu thuẫn dài hạn cốt yếu thuộc về địa chính trị từ Nga - Mỹ - Trung Quốc - Trung Đông,... Con số đáng chú ý nhất đến từ tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016, đạt 6,21%, con số này thấp hơn so với mức ước tính 6,3%-6,5% được báo cáo trước Quốc hội hồi tháng 10, cũng như mục tiêu 6,7% được đề ra cho năm 2016. Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam lại được xem là điểm sáng khi thu được các tín hiệu vĩ mô hết sức tích cực.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, mặc dù phải đối mặt với nhiều biến động, thách thức nhưng kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng (dù tốc độ đã chững lại), thương mại toàn cầu có dấu hiệu hồi phục. Điểm sáng là các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản... tăng trưởng tốt; trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tăng trưởng có sự khác biệt giữa các nước phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu tăng trưởng chậm (do giá hàng hóa vẫn ở mức thấp) và các nước phụ thuộc vào nhập khẩu tăng trưởng tốt hơn (hưởng lợi nhờ tận dụng yếu tố đầu vào giảm). Thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục ổn định và tăng trưởng nhờ niềm tin vào triển vọng tăng trưởng tăng lên, khiến chỉ số chứng khoán tại Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản tăng lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2007. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 có thể đạt mức 3,5% so với năm 2016, cao hơn mức đã dự báo hồi tháng 3 năm 2017 là 3,3%.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2017 ở mức 5,73%, khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2016 (5,52%) nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2015 (6,28%). Nguyên nhân chính là do: Lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản có sự cải thiện tích cực với mức tăng lần lượt là 2,01% và 5,08% (cao hơn so với cùng kỳ năm 2016 khi chỉ lần lượt tăng -0,78% và 1,25%); ngành dịch vụ tiếp tục đà tăng lạc quan (tăng trưởng 6,85%); và cầu tiêu dùng nội địa khả quan hơn so với cùng kỳ năm trước khi tăng 8,4% (cao hơn mức 7,5% của cùng kỳ năm 2016). Tuy nhiên, lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chỉ tăng 5,33% do sự sụt giảm của ngành khai khoáng và sự chững lại của ngành xây dựng cho thấy nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, các chuyên gia vẫn vững niềm tin về một lộ trình tăng trưởng ổn định dài hạn.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM



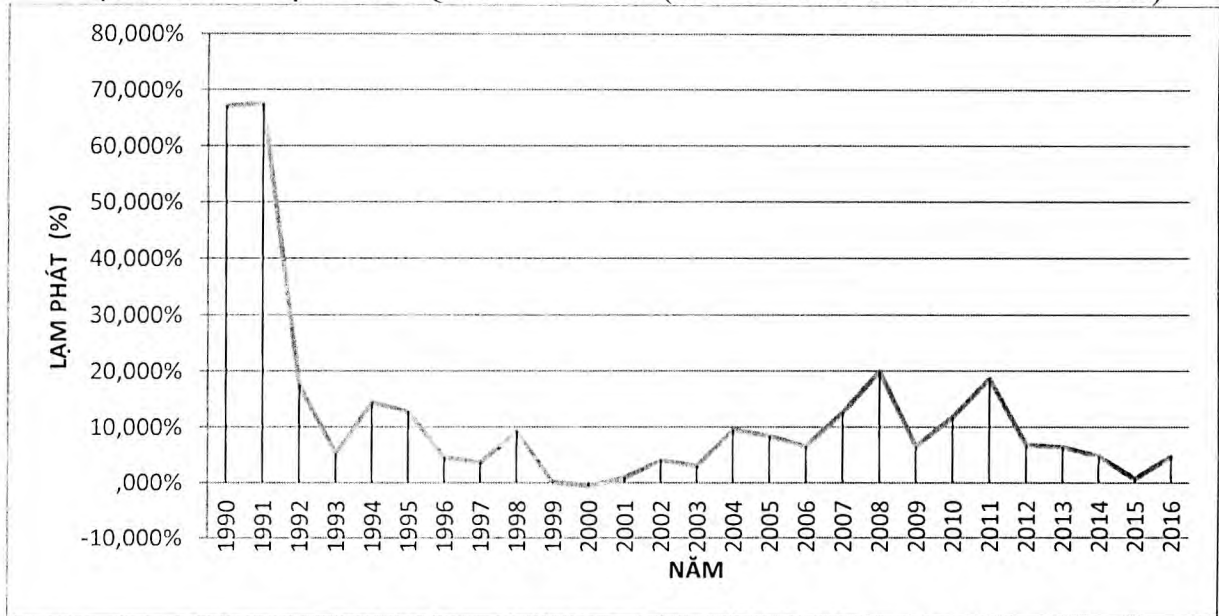
(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

1.1. Rủi ro về lạm phát

Năm 2016, Lạm phát được duy trì ở mức thấp, thấp hơn tăng trưởng GDP và thấp hơn mức mục tiêu đề ra là 5%, lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản, điều này phản ánh biến động giá do yếu tố thị trường có mức tăng cao, đó là giá lương thực thực phẩm, giá xăng dầu và yếu tố điều hành giá cả qua việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục vốn đóng góp một tỷ lệ đáng kể trong rổ hàng hóa tính CPI. Mức tăng của lạm phát cơ bản từ tháng 1 đến tháng 12 năm nay so cùng kỳ có biên độ dao động trong khoảng khá hẹp từ 1,64% đến 1,88%, điều này thể hiện chính sách tiền tệ đang được điều hành ổn định, giúp ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2017 tiếp tục giảm 0,17% so với tháng trước. CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái tăng 4,15%. CPI tháng 6/2017 tăng 0,20% so với tháng 12/2016. Lạm phát cơ bản tháng 6/2017 tăng 0,10% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 1,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2016, thấp hơn mức kế hoạch (dự kiến 1,6 – 1,8%). Vì thế, nguy cơ lạm phát tăng trở lại là hiện hữu, mục tiêu kiềm chế lạm phát bình quân ở mức 4% mà Quốc hội, Chính phủ đặt ra là thách thức không nhỏ.

LẠM PHÁT VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC)



(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

1.2. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro tỷ giá xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Hơn nữa ổn định tỷ giá cũng là yếu tố phát tín hiệu cho sự phát triển ổn định vĩ mô của một quốc gia và là bước đệm để các cá thể trong nền kinh tế, nhất là những đối tác có quan hệ kinh doanh thương mại với BTW, vì thế nhân tố này, về khía cạnh tổng quát nhất, luôn có tác động gián tiếp tới sự phát triển bền vững của Công ty.

Cuối năm 2015, do ảnh hưởng lan rộng của việc Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng và nới rộng biên độ giao dịch lên $\pm 3\%$ đã khiến tỷ giá dao động mạnh. Năm 2016, cách tính tỷ giá mới: tỷ giá trung tâm (Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và một số ngoại tệ khác) chính thức được áp dụng, căn cứ vào diễn biến tỷ giá bình quân gia quyền trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, diễn biến tỷ giá trên thị trường quốc tế của một số đồng tiền của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư lớn với Việt Nam, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ. Nửa đầu năm 2017, Trong khi diễn biến trên thị trường thế giới có những biến động phức tạp và khó lường thì tỷ giá ngoại tệ tại Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định cần thiết, giúp nhu cầu ngoại tệ được đáp ứng, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục tăng lượng tiền cho dự trữ ngoại hối.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Năm công cụ để điều hành chính sách tiền tệ của quốc gia gồm: Tái cấp vốn, Lãi suất (lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác), Tỷ giá hối đoái, Tỷ lệ dự trữ bắt buộc và Nghiệp vụ thị trường mở, trong đó Lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Về phía Công ty, rủi ro về lãi suất xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi,...

Đứng về khía cạnh là Doanh nghiệp có những khoản đầu tư tài chính là tiền gửi vào ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn, rõ ràng việc lãi suất giảm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền từ hoạt động tài chính. Tuy nhiên công ty lại được hưởng lợi gián tiếp khi chính tác động giảm lãi suất mang lại cho các công ty có quan hệ làm ăn với BTW. Mặt bằng lãi suất được hầu hết các tổ chức tín dụng kỳ vọng sẽ ổn định trong những tháng còn lại của năm 2017. Tương tự như kết quả điều tra đầu năm 2017, một số ít tổ chức tín dụng kỳ vọng mặt bằng lãi suất có thể tăng nhưng là mức tăng rất nhẹ (bình quân khoảng 0,2%). Kết quả điều tra cho thấy các tổ chức tín dụng tiếp tục lạc quan về khả năng thu hút nguồn vốn huy động từ nền kinh tế trước những dự báo về một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng cao hơn năm trước, dòng tiền ổn định và lạm phát nằm trong ngưỡng an toàn sẽ hỗ trợ thêm tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Lãi suất biến động như thế nào, có tiếp tục đà giảm hay không phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng cung tiền M2¹.

1.4. Rủi ro kinh tế khác

Tình hình vĩ mô trong nước ổn định đã có những bước tiến đáng kể, tuy nhiên tâm lý e ngại vẫn còn bao trùm lên tổng thể nền kinh tế. Việc Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất và có kế hoạch tăng lãi suất trong năm 2017 tạo sức ép rất lớn lên tỷ giá, cán cân mậu dịch và sự dịch chuyển dòng vốn. Hơn nữa khi FED nâng lãi suất, chênh lệch tỷ suất trái phiếu chính phủ cũng tăng theo. Điều này là một bất lợi đến kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế của Việt Nam nhằm tài trợ cho các nhu cầu tài chính công trong nước. Nằm ở phía Bắc Việt Nam - nền kinh tế Trung Quốc được dự báo sẽ giảm tốc cùng với những động thái khó lường của Ngân hàng Trung ương nước này đang tạo ra thách thức rất lớn đối với nhà làm chính sách ở Việt Nam. Bên cạnh đó, thâm hụt Ngân sách lớn của Việt Nam trước sức ép ảnh hưởng đến khả năng dẫn dắt chính sách tiền tệ mục tiêu đi đúng hướng, từ đó tạo áp lực lên toàn bộ nền kinh tế.

Bối cảnh vĩ mô thế giới còn nhiều phức tạp, kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2017 diễn biến tích cực hơn năm 2016 với động lực tăng trưởng chính là Mỹ và Châu Âu. Tuy nhiên, những chính sách không rõ ràng của Tổng thống Trump cùng các biến động chính trị tại Anh, Pháp, Đức có thể đem tới những biến đổi khó lường. Với bức tranh khởi sắc của nền kinh tế cùng với những đặc thù riêng của ngành cấp nước, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần cấp nước Bến Thành được đánh giá là sẽ khả quan và ít chịu ảnh hưởng của rủi ro kinh tế hơn những công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác.

3. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường,... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực cấp nước nên Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước,...

¹ Cung ứng tiền tệ M2: Tổng lượng tiền mặt do NHTW phát hành đang được lưu thông (tiền cơ sở, tiền hẹp, tiền mặt có thể chi tiêu ngay lập tức); tiền mà các ngân hàng thương mại gửi tại ngân hàng trung ương (Đồng tiền mạnh); chuẩn tệ (tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn... tại các tổ chức tín dụng) (Tiền rộng; tiền gửi tiết kiệm không thể tiêu ngay được)

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Rủi ro đặc thù

✦ *Rủi ro thất thoát nước*

Rủi ro thất thoát nước là rủi ro có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo. Do đặc thù hình thành hệ thống cấp nước nên khu vực quản lý của Công ty (Quận 1 và Quận 3) có tỷ lệ thất thoát nước rất cao. Bên cạnh đó lại gặp khó khăn trong việc xin giấy phép đào đường để phục vụ công tác cải tạo. Từ năm 2008, Ngân hàng thế giới (WB) cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (SAWACO) vay tiền. Nhà thầu Manila Water (Philippines) hợp tác để thực hiện các dự án giảm thất thoát nước. Tại thời điểm tháng 11/2014, công ty bắt đầu tự thực hiện một cách độc lập công tác giảm thất thoát nước, tỷ lệ thất thoát nước thời điểm đó của Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành được ghi nhận là 42.5%. Để tiếp tục giảm tỷ lệ thất thoát nước với mục tiêu đề ra công ty ghi nhận năm 2015 tỷ lệ thất thoát nước 38.28%, năm 2016 là 35,22% và đến năm 2019 là 27% và đến năm 2020 dưới 25% (theo Biên bản ĐHCĐ thường niên 2017 Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành), đòi hỏi Công ty phải áp dụng các biện pháp nhằm sửa chữa, nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, song song với việc siết chặt quản lý cán bộ, công nhân viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong quá trình đưa nước vào sử dụng.

✦ *Rủi ro biến động giá cả*

Đặc thù của ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước ấn định để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Thêm vào đó giá nước được mua sỉ từ Tổng Công ty, giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về thất thoát nước luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

5. Rủi ro khác

✦ *Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường chứng khoán.

Nhìn lại thời gian qua, thị trường chứng khoán (TTCK) trong nước và quốc tế diễn biến khá phức tạp. Nếu năm 2014, TTCK chứng kiến cú sốc Trung Quốc kéo dài khoan ra biển Đông, các ngân hàng thương mại yếu kém vướng vào vòng lao lý,... thì năm 2015 lại tiếp tục phải chứng kiến đợt lao dốc không phanh của thị trường chứng khoán Trung Quốc bên cạnh động thái phá giá Nhân dân tệ giữa năm 2015, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) nâng lãi suất vào thời điểm cuối năm cùng khả năng bỏ ngỏ việc tăng lãi suất vào năm 2016, cú sốc giá dầu giảm sâu, SCIC (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước) thoái vốn tại các Doanh nghiệp có mã cổ phiếu niêm yết xếp hạng Bluechip, Brexit.... Tất cả những sự kiện nổi bật đó đã khiến thị trường chứng khoán năm 2016 trải qua những đợt biến động khá mạnh. Bước sang năm 2017, tình hình thị trường chứng khoán có nhiều hứa hẹn khi nhiều sự kiện nổi bật như tình hình giá dầu được cải thiện, chuyến thăm Việt Nam của các nguyên thủ là đối tác làm ăn lớn, nhiều hiệp định song phương, đa phương được thúc đẩy,... mang đến những tín hiệu rõ ràng và tươi sáng hơn cho sự phát triển của TTCK.

Việc niêm yết cổ phiếu cũng là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị cho các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động quản trị qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

✦ *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro trên, Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Phạm Thị Thanh Vân** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Nguyễn Thành Phúc** Chức vụ: Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Ông **Nguyễn Hữu Cường** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà **Trương Nguyễn Thiên Kim**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2017/UQ-DAS của Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ngày 01/03/2017)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Từ viết tắt	Giải nghĩa
ATVSLD-PCCN	An toàn vệ sinh lao động – Phòng cháy chữa cháy
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty/ BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
DAS	Tên viết tắt Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
NHNN/ SBV	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Tổ chức tư vấn	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
TSCĐ	Tài sản cố định
TTCK	Thị trường Chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi nhận vào điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**
- Tên Tiếng Anh : BEN THANH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : BTW
- Trụ sở chính : 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3829 7147 - (08) 3827 2990
- Fax : (08) 3822 9778
- Email : capnuocbenthanh@vnn.vn
- Website : www.capnuocbenthanh.vn
- Vốn điều lệ đăng ký : 93.600.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 93.600.000.000 đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 04/10/2007
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thành Phúc - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Giấy CNĐKDN: số 0304789925 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 08/05/2012.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
 - Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp;
 - Xây dựng công trình cấp nước;
 - Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.
 - Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước.
 - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
 - Lập dự án, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
 - Giám sát thi công xây dựng công trình cấp, thoát nước.
 - Khảo sát địa hình xây dựng công trình.
 - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường ngành cấp nước.
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Cho thuê xe có động cơ.
 - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là Chi nhánh Cấp nước Sài Gòn đơn vị trực thuộc Công ty Cấp nước TP. Hồ Chí Minh, được thành lập và đi vào hoạt động từ 01/07/1991 (Quyết định số 202/QĐ-TCNSTL ngày 31/7/1991 của Sở Giao thông Công chánh Tp. Hồ Chí Minh).

Từ tháng 9/2005, Chi nhánh Cấp nước Sài Gòn được đổi tên thành Chi nhánh Cấp nước Bến Thành (Quyết định số 62/QĐ-TCT-TC ngày 31/8/2005 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) sau khi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được thành lập.

Ngày 31/12/2005, UBND Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 6652/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Ngày 04/12/2006, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tổ chức Đại hội cổ đông thành lập để thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, thông qua Định hướng sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hoá (2006 – 2008) và bầu ra Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304789925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2007 với vốn điều lệ 93.600.000.000 đồng.

Ngày 04/10/2007, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng (văn bản số 758/UBCK-QLPH ngày 04/10/2007 của UBCKNN về việc đăng ký công ty đại chúng).

Ngày 13/01/2010, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán (Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 10/2010/GCNCP-VSD ngày 13/01/2010 của TTLKCKVN).

Ngày 08/02/2010, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại HNX (văn bản số 106/TB-SGDHN ngày 08/02/2010 của SGDCCKHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu).

Ngày 04/3/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM) với mã chứng khoán là BTW, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 9.360.000 cổ phiếu và tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 93.600.000.000 đồng.

Trong các năm qua, trong quá trình hoạt động của đơn vị, Công ty luôn ý thức về việc tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung, cũng như nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện tại, Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0304789925 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 08/05/2012 với vốn điều lệ 93.600.000.000 đồng.

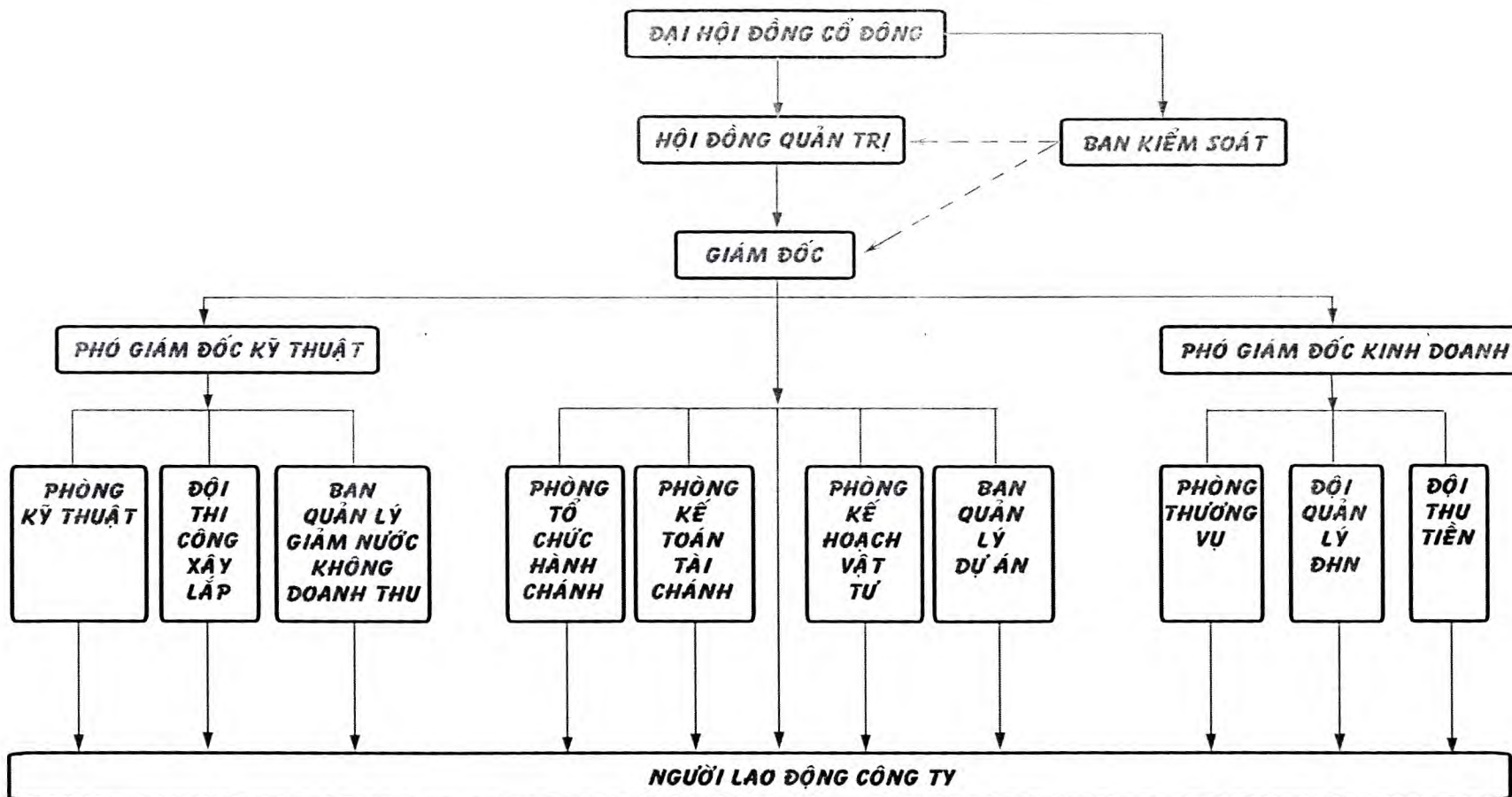
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 93.600.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng). Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty chưa thực hiện tăng vốn.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ mô hình tổ chức của Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH



Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm được tổ chức một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong khoảng thời gian 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12).

- Quyền hạn và nhiệm vụ của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:

- a. Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, BGĐ;
- b. Thông qua báo cáo tài chính năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;
- c. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
- d. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và BKS theo qui định của Điều lệ;
- f. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của các thành viên HĐQT và BKS;
- g. Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi nếu cần;
- h. Thông qua quyết định kết thúc hoạt động của Công ty;
- i. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- j. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- k. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ trong phiên họp bất thường:

- a. Quyết định các chủ trương, xử lý các vấn đề bất thường và các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng;
- b. Bãi miễn, bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS.
- c. Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- d. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm có 6 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng các thành viên trong Ban giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;
- Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định cụ thể theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm trong đó gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Mỗi thành viên BKS dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- a. Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 điều 21 điều lệ này;
- e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 điều 21 điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- f. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- g. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.4 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hiện Ban Giám đốc bao gồm 03 thành viên: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc Công ty là 2 Phó Giám đốc: Phó Giám đốc Kỹ thuật và Phó Giám đốc Kinh doanh, cụ thể:

- Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách chỉ đạo hoạt động của Phòng Kỹ thuật và Đội Thi công – Xây lắp;
- Phó Giám đốc Kinh doanh phụ trách chỉ đạo hoạt động của Phòng Thương vụ, Đội quản lý đồng hồ nước và Đội thu tiền.

2.5 Các phòng ban, đơn vị trong Công ty

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm:

a. Phòng Tổ chức – Hành chính:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, nhân sự, lao động – tiền lương, hành chính – quản trị, bảo vệ và thường trực giúp việc cho Hội đồng quản trị. Phòng Tổ chức – Hành chính có nhiệm vụ:



- ❖ Công tác tổ chức bộ máy và nhân sự:
 - Nghiên cứu, đề xuất cho Ban Giám đốc Công ty về công tác cán bộ và bố trí các phòng, ban, đội một cách phù hợp;
 - Thực hiện các thủ tục sắp xếp, điều động, bổ nhiệm nhân sự thuộc Công ty theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty;
 - Thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- ❖ Công tác lao động – tiền lương:
 - Lập kế hoạch lao động và xây dựng định mức lao động, tham mưu cho Ban Giám đốc điều phối lực lượng lao động giữa các phòng, ban, đội hợp lý;
 - Nghiên cứu, soạn thảo quy chế trả lương – trả thưởng và đăng ký theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện tổ chức thường xuyên quy chế trả lương – trả thưởng trong Công ty;
 - Xây dựng đơn giá tiền lương, lập kế hoạch quỹ tiền lương và tính toán chi trả lương, thưởng theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của Công ty;
 - Quản lý công tác tiền lương và lao động; theo dõi và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, thỏa ước lao động tập thể và các quy định nội bộ khác của Công ty (nếu có);
 - Quản lý hồ sơ CB-CNV; theo dõi và tổng hợp báo cáo tình hình tăng giảm lao động theo quy định (nếu có) và theo yêu cầu đột xuất của Ban Giám đốc Công ty;
 - Theo dõi và đề nghị nâng bậc lương cho CB-CNV đúng quy định hiện hành;
 - Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) theo đúng quy định hiện hành.
- ❖ Công tác hành chính – quản trị:
 - Nghiên cứu, đề xuất ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về thủ tục hành chính trong nội bộ Công ty;
 - Lập kế hoạch công tác hàng tuần của Ban Giám đốc và kế hoạch hội họp chung của Công ty; lập biên bản các cuộc họp, in ấn tài liệu, văn bản cho Ban Giám đốc và các phòng, ban, đội trong Công ty; lập kế hoạch trực hàng tuần, tháng, các ngày nghỉ lễ,... của Công ty;
 - Trực điện thoại của Công ty;
 - Tổ chức quản lý con dấu của Công ty; đóng dấu công văn, hồ sơ, tài liệu đã được ký tên theo đúng quy định của Nhà nước và quy định cũng như phân cấp nội bộ của Công ty;
 - Tiếp nhận và phát hành văn thư đi, đến; lưu trữ tài liệu, văn bản; quản lý hồ sơ gốc về cấp nước khách hàng;
 - Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt giữa khách hàng và các phòng, ban, đội trong Công ty;
 - Quản lý trụ sở cơ quan, nhà cửa, thủy đài, bể chứa của trạm bơm, hệ thống điện, nước, điện thoại, xe máy, máy móc, phòng làm việc, phòng họp, trang thiết bị văn phòng thuộc Công ty; quy định chế độ quản lý sử dụng và đề xuất các biện pháp duy tu, bảo trì, sửa chữa các tài sản trên;

- Tổ chức công tác vệ sinh toàn Công ty, trực tiếp thực hiện vệ sinh phòng làm việc của Ban Giám đốc, khu vực tập thể và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV;
 - Thực hiện việc in ấn chỉ, mua sắm và cấp phát văn phòng phẩm cho các phòng, ban, đội trong Công ty.
 - Công tác đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động, bảo hộ lao động, bảo vệ và phòng chống cháy nổ:
 - Lập chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn – kỹ thuật – nghiệp vụ cho CB-CNV bằng các hình thức đào tạo thích hợp;
 - Nghiên cứu thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo quy định của Nhà nước, nghiên cứu và đề xuất ban hành các quy định về thi đua khen thưởng trong nội bộ Công ty, tổng hợp và đề xuất các hình thức khen thưởng đối với CB-CNV Công ty hàng năm;
 - Đề xuất ban hành nội quy kỷ luật lao động; Nội quy cơ quan; theo dõi việc chấp hành và đề xuất các hình thức kỷ luật CB-CNV (nếu có vi phạm);
 - Lập kế hoạch và triển khai thực hiện các quy định về bảo hộ lao động và an toàn lao động;
 - Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ cơ quan;
 - Tổ chức lực lượng phòng cháy chữa cháy (PCCC) cơ quan, xây dựng các phương án PCCC, thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các dụng cụ, phương tiện, thiết bị PCCC theo quy định Nhà nước. Mua sắm các dụng cụ và phương tiện PCCC để đáp ứng kịp thời cho công tác PCCC.
- ❖ Công tác giúp việc cho Hội đồng quản trị:
- Tập hợp lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty;
 - Soạn thảo và phát hành thư mời, thư triệu tập các phiên họp của Hội đồng quản trị; chuẩn bị tập hợp các tài liệu phục vụ cho các phiên họp của hội đồng quản trị;
 - Lập biên bản các phiên họp của Hội đồng quản trị; căn cứ nội dung biên bản của phiên họp để soạn thảo, trình ký và ban hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Truyền đạt thông tin liên lạc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát Công ty;
 - Thực hiện một số công tác phục vụ cho Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và một số công tác khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Đôn đốc, nhắc nhở các phòng, ban, đội thực hiện các nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị đã có nghị quyết.

b. Phòng Kế toán – Tài chính:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý sử dụng nguồn vốn tài chính đúng mục đích và có hiệu quả; thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê theo đúng quy định của Nhà nước và của pháp luật; quản lý tài sản cố định và tài sản lưu động; tổng hợp phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh tài chính trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến danh sách cổ đông Công ty.

Phòng Kế toán – Tài chính có nhiệm vụ:

- ❖ Công tác quản lý sử dụng nguồn vốn tài chính và thực hiện nghiệp vụ kế toán:
 - Nghiên cứu soạn thảo và đề xuất Ban Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế quản lý tài chính phục vụ cho hoạt động tài chính – kế toán của Công ty;
 - Lập kế hoạch tài chính định kỳ theo tháng, quý, năm nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD theo kế hoạch và nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển của Công ty.
 - Bảo đảm quản lý và sử dụng các nguồn vốn đã phân bổ đúng mục đích và hiệu quả;
 - Nghiên cứu tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc sử dụng nguồn vốn Công ty đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động mới, các lĩnh vực cần có sự đầu tư mang tính chiến lược để mang lại hiệu quả lâu dài trong tương lai;
 - Quản lý việc thực hiện về mặt tài chính các hợp đồng kinh tế, bảo đảm tuân thủ đúng nguyên tắc tài chính theo quy định;
 - Thực hiện công tác mở tài khoản, quản lý giao dịch của Công ty tại ngân hàng, theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty;
 - Thu tiền lắp đặt đồng hồ nước khách hàng và các dịch vụ kỹ thuật khác như: nâng, dời, đổi cỡ, bồi thường đồng hồ nước, thay ống nhánh, tái lập mặt đường theo bảng giá do Phòng Kỹ thuật lập; nộp tiền vào tài khoản của Công ty tại ngân hàng;
 - Theo dõi việc thu tiền nước trực tiếp của nhân viên ngân hàng từ Đội thu tiền để nộp vào tài khoản ngân hàng ngay trong ngày; tổng hợp báo cáo số tiền thực thu và thực nộp vào ngân hàng hàng ngày cho Ban Giám đốc và Phòng Thương vụ Công ty; thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt thường nhật;
 - Thực hiện việc thanh toán tiền mua nước cho Tổng Công ty theo đúng quy định của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch. Theo dõi số liệu thanh toán và đối chiếu với số liệu giải thích với Đội thu tiền. Lập sổ theo dõi và đối chiếu để xác nhận số dư, số thiếu so với đăng ngân, giải trách của Đội Thu tiền.
 - Nghiên cứu đề xuất Ban Giám đốc ban hành những quy định, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời hạn tạm ứng, thanh toán, quyết toán các chi phí liên quan đến tài chính Công ty;
 - Quản lý và thực hiện việc thu – chi tài chính của công ty, bảo đảm việc thu – chi phải đầy đủ chứng từ hợp lệ theo đúng quy định chung của nhà nước và những quy định của Công ty;
 - Thực hiện các chế độ báo cáo kế toán – tài chính theo quy định của Nhà nước; thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vốn và nguồn vốn cho Ban Giám đốc Công ty; phân tích và đánh giá hiệu quả về mặt tài chính trong hoạt động SXKD; đề xuất các phương án tài chính trong kế hoạch SXKD hàng năm.
- ❖ Công tác hạch toán kế toán:
 - Tổ chức thực hiện công tác hạch toán toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình SXKD của Công ty theo đúng Quy chế quản lý tài chính, lập hệ thống sổ sách duy nhất về quản lý tài chính và tài sản;
 - Lưu trữ, quản lý chặt chẽ hệ thống sổ sách, chứng từ, hóa đơn, hồ sơ tài chính theo đúng pháp luật về tài chính; kiểm tra, đối chiếu về nội dung, tính hợp lý, hợp pháp

của các chứng từ kế toán. Đảm bảo các chứng từ kế toán phù hợp và đúng so với sổ sách hạch toán và sổ sách kế toán được lưu giữ;

- Lập bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra theo quy định.

❖ Công tác quản lý tài sản:

- Quản lý tài sản cố định và tài sản lưu động của Công ty;
- Phối hợp với các phòng, ban, đội Công ty để kiểm kê, đánh giá lại tài sản định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty;
- Phối hợp với Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Vật tư đề xuất và thực hiện các thủ tục thanh lý vật tư, thiết bị và tài sản hiện không sử dụng;
- Nghiên cứu và đề xuất ban hành các quy định về việc giao và quản lý tài sản, thiết bị phục vụ SXKD cho các phòng, ban, đội hoặc các cá nhân cụ thể trong Công ty.

❖ Công tác quản lý sở hữu công ty:

- Lập sổ quản lý cổ đông (Sổ cái) và có chế độ lưu giữ an toàn tại Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản thi hành;
- Nghiên cứu và đề xuất cho Ban Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị về quy định, quy trình, thủ tục mua bán, chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông Công ty;
- Cập nhật việc tăng, giảm, thay đổi tên sở hữu cổ phần của các cổ đông.

c. Phòng Kế hoạch – Vật tư:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng xây dựng phương án, kế hoạch SXKD của Công ty; theo dõi, tổng hợp, báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; thực hiện công tác phát triển khách hàng; tổ chức mua sắm, cung ứng và quản lý nguồn vật tư phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.

Phòng Kế hoạch – Vật tư có nhiệm vụ:

❖ Công tác kế hoạch:

- Lập kế hoạch SXKD, kế hoạch xây dựng cơ bản (XDCB), kế hoạch sửa chữa công trình cấp nước hàng năm phù hợp với định hướng phát triển SXKD của Công ty và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Công ty quản lý, cung cấp nước; cân đối nguồn vốn kinh doanh hàng quý, năm nhằm đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty;
- Theo dõi, điều độ việc thực hiện kế hoạch SXKD và XDCB; theo dõi, thống kê và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD đã đề ra hàng quý, năm hoặc tổng hợp báo cáo đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch SXKD đến thời điểm hiện tại nhằm phục vụ công tác theo yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty;
- Lập báo cáo đánh giá và thống kê tình hình thực hiện kế hoạch đã đề ra, chủ động đề xuất phương án nâng cao hiệu quả SXKD, hướng đến mục tiêu mà Điều lệ Công ty quy định và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

❖ Công tác phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng:

- Đề xuất và thực hiện các giải pháp phát triển khách hàng, phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ đến mọi khách hàng;
- Tiếp nhận đơn của khách hàng yêu cầu gắn mới, nâng, dời, thay ống nhánh, dời cơ đồng hồ nước và các dịch vụ kỹ thuật khác liên quan đến việc cung cấp và sử dụng

nước, chuyển hồ sơ đến các phòng, ban, đội có liên quan để xem xét, giải quyết về mặt kỹ thuật;

- Lập sổ sách theo dõi diễn biến giải quyết hồ sơ khách hàng, tiếp kết hồ sơ từ Phòng Kỹ thuật (đã hoàn tất thiết kế và bảng giá) để soạn thảo văn bản trả lời cho khách hàng hoặc mời khách hàng lên đóng tiền để thực hiện công tác;
- Lập hồ sơ thi công cho khách hàng, đồng thời lập phiếu xuất kho vật tư theo đúng dự đoán vật tư được duyệt để chuyển đến Đội Thi công – Tu bổ để thực hiện;
- Lập hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đối với khách hàng mới gắn đồng hồ nước, chuyển toàn bộ hồ sơ gốc khách hàng đã hoàn công về Phòng Thương vụ để lập danh bộ và lưu hồ sơ gốc;
- Thực hiện xin phép đào đường cho công tác cấp nước khách hàng và cho các công tác chung của Công ty, lập các hợp đồng và theo dõi việc thực hiện với các đơn vị thi công đào, tái lập mặt đường và tư vấn giám sát;
- Thu thập số liệu để đề xuất phát triển khách hàng ở khu vực chưa có đồng hồ nước để đề xuất kế hoạch phát triển mạng lưới của Công ty;

❖ Công tác vật tư:

- Lập kế hoạch mua vật tư hàng tháng, quý, năm cho Công ty, bảo đảm cung ứng kịp thời, liên tục nguồn vật tư phục vụ SXKD và cân đối với kế hoạch SXKD đã đề ra, đảm bảo lượng vật tư dự trữ cho SXKD của Công ty;
- Đề xuất các hình thức mua sắm các trang thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư kỹ thuật theo kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, quy định, tiêu chuẩn của Nhà nước, của Tổng Công ty (nếu có) và của Công ty;
- Đề xuất xây dựng và thực hiện các quy định, quy trình về nhập vật tư, cấp phát vật tư. Thanh quyết toán nguồn vật tư đã đưa vào sử dụng, xây dựng định mức sử dụng vật tư trong SXKD;
- Lập các thủ tục và tổ chức thực hiện việc xuất, nhập vật tư phục vụ yêu cầu SXKD, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự và thủ tục và quy định hiện hành;
- Tổ chức quản lý, bảo quản kho tàng, vật tư kỹ thuật; sắp xếp các loại vật tư một cách khoa học, hợp lý theo từng chủng loại, bảo đảm vật tư luôn được quản lý trong điều kiện an toàn và thuận tiện cho việc xuất – nhập, tổ chức bảo vệ công tác kho vật tư, xây dựng và thực hiện nội quy kho tàng, phương án phòng chống cháy nổ, ngập lụt nhằm bảo đảm an toàn nguồn vật tư lưu kho;
- Cung cấp vật tư cho các phòng, ban, đội theo các hồ sơ được duyệt và phiếu xuất kho, kiểm tra bảng tổng hợp vật tư, thanh quyết toán nguồn vật tư đã đưa vào sử dụng của các phòng, ban, đội.
- Lập hệ thống sổ sách quản lý nguồn vật tư xuất – nhập; kiểm kê đột xuất nguồn vật tư lưu kho theo yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty; định kỳ kiểm kê kho vật tư, thống kê báo cáo số lượng vật tư xuất – nhập; số lượng vật tư giải kho và giải trình các vật tư thừa, thiếu sau kiểm kê; đề xuất thanh lý vật tư hư hỏng, vật tư hiện không còn nhu cầu sử dụng hoặc đã quá hạn sử dụng; đề xuất thành lập hội đồng đánh giá, chuyên nhượng hoặc thanh lý các vật tư theo đúng quy định của Nhà nước.

d. Ban Quản lý dự án:

Là ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tổ chức thực hiện quản lý các dự án đầu tư, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp điều hành thực hiện dự án theo quy chế quản lý đầu tư XD/CB và Luật Đấu thầu hiện hành

Ban Quản lý dự án có nhiệm vụ:

- ❖ Công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện đầu tư:
 - Kiểm tra, thẩm định và trình phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án khảo sát xây dựng, tổng dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình, dự án,... do Công ty tự thực hiện công tác tư vấn;
 - Lập và trình thẩm định kế hoạch đấu thầu;
 - Đề xuất các hình thức lựa chọn nhà thầu như đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, tự thực hiện, đối với các công trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của Công ty;
 - Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của các gói thầu phục vụ công tác đầu tư và thực hiện dự án của Công ty;
 - Tổ chức kế hoạch đấu thầu theo kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt;
 - Phát hành hồ sơ mời thầu, mở sổ ghi chép việc phát hành hồ sơ mời thầu và nhận hồ sơ thầu;
 - Tổ chức mở thầu và tham giá đánh giá hồ sơ dự thầu, thông báo kết quả trúng thầu;
 - Lập, thương thảo và hoàn thiện hợp đồng các dịch vụ tư vấn và hợp đồng thi công xây lắp, thi công tái lập mặt đường...;
 - Theo dõi kiểm tra và báo cáo tiến độ, chất lượng và quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng công trình, quản lý và đôn đốc tiến độ thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;
 - Kiểm tra quyết toán và họa đồ hoàn công công trình (do nhà thầu thực hiện) theo đúng thực tế thi công và quy định XD/CB; gửi họa đồ hoàn công cho Phòng Kỹ thuật Công ty cập nhật và quản lý;
 - Kiểm tra thanh quyết toán và hoàn công các công trình XD/CB do Công ty thực hiện;
 - Lập bảng quyết toán tổng hợp trong trường hợp công trình có nhiều hạng mục do các đơn vị thi công khác nhau;
 - Tổ chức nghiệm thu, bàn giao và thanh lý hợp đồng đầu tư xây dựng;
 - Lưu trữ, bảo quản các sổ sách, hồ sơ, tài liệu có liên quan.
- ❖ Công tác giám sát:
 - Tổ chức giám sát kỹ thuật chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình do nhà thầu thực hiện, kiểm tra nguồn vật tư trước khi thi công, trên cơ sở đó đề xuất thanh – quyết toán mỗi đợt;
 - Quản lý giám sát trong trường hợp thuê tư vấn giám sát;
 - Lập nhật ký công trình; phối hợp các bên A, B và bên thiết kế lập biên bản phạm vi (nếu có); đề nghị đình chỉ thi công công trình và đề xuất hình thức xử phạt đối với nhà thầu và tư vấn giám sát trong trường hợp vi phạm các tiêu chuẩn xây dựng, quy phạm kỹ thuật, giám sát, an toàn lao động và các nguyên tắc trong hợp đồng thi công;

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phải bảo đảm công tác được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và pháp luật, đúng quy định của hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

e. Phòng Kỹ thuật:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước trên địa bàn Công ty; lập dự án, hồ sơ thiết kế cho các công trình cấp nước và thiết kế cấp nước cho khách hàng; đề xuất kế hoạch cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước, biện pháp chống thất thoát nước dài hạn và ngắn hạn; quản lý và lập chương trình hiện cải tạo hệ thống cấp nước và công tác XDCCB; quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin trong Công ty.

Ngoài ra, Phòng Kỹ thuật còn trực tiếp quản lý vận hành trạm bơm chung cư Nguyễn Thiện Thuật nhằm cấp nước cho khách hàng chung cư.

Phòng kỹ thuật có nhiệm vụ:

❖ Công tác quản lý kỹ thuật:

- Nghiên cứu, đề xuất ban hành, hướng dẫn thực hiện các quy trình, quy định về kỹ thuật và kỹ thuật an toàn đối với công tác thi công, sửa chữa đường ống, gắn đồng hồ nước, vận hành máy móc, thiết bị của Công ty;
- Nghiên cứu và áp dụng các định mức kinh tế trong công tác khảo sát đo đạc, lập dự án, thiết kế công trình cấp nước, thiết kế cấp nước khách hàng, sửa chữa công trình cấp nước, sửa chữa máy móc thiết bị;
- Quản lý kỹ thuật đối với tất cả thiết bị, xe máy phục vụ hoạt động SXKD; lập hồ sơ quản lý và theo dõi việc đăng kiểm, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị và xe máy theo đúng quy định;
- Lập chương trình, kế hoạch phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước, theo dõi hoạt động của mạng lưới cấp nước và đề xuất phương án điều áp, cải tạo, thay thế ống mực, đặt đồng hồ tổng, khắc phục ô nhiễm nguồn nước;
- Thực hiện công tác quản lý và cập nhật thường xuyên họa đồ nền mạng lưới cấp nước, quản lý chất lượng nước cung cấp khách hàng và áp lực nước cung cấp của mạng lưới;
- Cập nhật dữ liệu và lưu trữ các hồ sơ kỹ thuật của các dự án cấp nước đã thực hiện trên địa bàn Công ty quản lý, lưu trữ các văn bản liên quan đến kỹ thuật, thiết kế, XDCCB;
- Nghiên cứu kỹ thuật đồng hồ nước và các trang thiết bị kỹ thuật trên mạng lưới cấp nước trên địa bàn cấp nước của Công ty;
- Tham gia nghiệm thu vật tư kỹ thuật do Công ty mua sắm hoặc tiếp nhận.

❖ Công tác thiết kế:

- Thực hiện công tác khảo sát, đo đạc, báo cáo khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán các công trình XDCCB theo kế hoạch XDCCB hàng năm đã đề ra; tổ chức nghiệm thu công tác khảo sát, thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế dự toán các công trình XDCCB (do đơn vị bên ngoài lập), thẩm định kế hoạch đấu thầu về XDCCB và mua sắm vật tư;
- Trong quá trình thực hiện khảo sát, lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế dự toán và thẩm định, nghiệm thu các công trình này phải tuân thủ đúng các thủ

tục, quy trình, quy định và tiêu chuẩn của Nhà nước, của Tổng Công ty (nếu có) và của Công ty.

- Thực hiện việc khảo sát, thiết kế và lập dự toán cấp nước khách hàng, bao gồm gấn, mới, nâng, dời, thay đổi cỡ đồng hồ nước, thay ống nhánh, cắt hủy danh bộ và đóng nước tạm thời;
- Thỏa thuận hướng tuyến lắp đặt hệ thống cấp nước với các cơ quan, ban ngành có liên quan đến địa bàn quản lý của Công ty.

❖ Công tác giám sát:

- Thực hiện giám sát và nghiệm thu công tác gấn mới, nâng, dời, thay đổi cỡ đồng hồ nước, thay ống nhánh, thay ống mục, nối mạng điều hòa áp lực, thông ống....;
- Thực hiện công tác giám sát thiết kế đối với các công trình do Phòng Kỹ thuật thiết kế, đồng thời phối hợp xử lý các sự cố đối với các công trình đặt cáp ngầm do các đơn vị khác thiết kế, tham gia nghiệm thu các công trình XD/CB theo quy định;
- Bám chỉ các đồng hồ nước mới lắp đặt, nâng, dời, đổi cỡ;
- Theo dõi và giám sát thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa và thay mới hệ thống máy móc thiết bị phục vụ hoạt động SXKD.
- Công tác chống thất thoát nước:
- Lập phương án và đề xuất các chương trình, biện pháp chống thất thoát nước theo kế hoạch chung do Công ty đề ra;
- Theo dõi, đôn đốc phòng, ban, đội thuộc Công ty tích cực hỗ trợ và thực hiện chương trình chống thất thoát nước thông qua quá trình thực hiện các công tác chuyên môn nghiệp vụ của các phòng, ban, đội; hằng năm tổ chức tổng kết, báo cáo, đánh giá hiệu quả của chương trình, biện pháp chống thất thoát nước đã được áp dụng để làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình, biện pháp chống thất thoát nước trong những năm sau.

❖ Công tác quản lý hệ thống công nghệ thông tin:

- Nghiên cứu và đề xuất trang bị những tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ thông tin vào công tác quản lý của các phòng, ban, đội trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch lập và cài đặt các phần mềm ứng dụng vào tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty tại các phòng, ban, đội;
- Theo dõi và giám sát thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, thay mới hệ thống máy móc thiết bị công nghệ thông tin;
- Quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin nội bộ (LAN);
- Kiểm tra, nghiệm thu máy móc, thiết bị công nghệ thông tin mua sắm mới.
- Công tác quản lý, vận hành trạm bơm chung cư Nguyễn Thiện Thuật;
- Thực hiện vận hành trạm bơm cung cấp nguồn nước sinh hoạt ổn định cho các hộ dân tại chung cư Nguyễn Thiện Thuật;
- Quy định chế độ quản lý, bảo trì, bảo quản thường xuyên máy móc, thiết bị của trạm bơm, đảm bảo trạm bơm luôn trong điều kiện vận hành tốt;
- Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, quản lý tốt tài sản, máy móc, thiết bị và mặt bằng được giao.

f. Ban quản lý Giảm nước Không doanh thu:

Ban quản lý Giảm nước Không doanh thu (QLGNKDT) là ban chuyên môn nghiệp vụ, chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Giám đốc Công ty; tham mưu, giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc các lĩnh vực sau:

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các phương án, mục tiêu, chương trình, giải pháp giảm nước không doanh thu cho Công ty.
- Quản lý mạng lưới cấp nước theo khu vực (DMA) và giám sát kỹ thuật toàn hệ thống mạng lưới cấp nước thuộc khu vực quản lý của Công ty.
- Ứng dụng phương pháp tiên tiến, công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong hoạt động giảm nước không doanh thu để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Xác định và thực hiện chương trình đào tạo nhân viên quản lý khu vực (Caretaker) và xây dựng nhân rộng quản lý theo khu vực (DMA, DMZ).

Ban quản lý Giảm nước Không doanh thu có nhiệm vụ:

- Quản lý vận hành khu vực DMA, DMZ được phân công đảm bảo mạng lưới cấp nước đạt chất lượng và duy trì tỷ lệ thất thoát thất thu ở mức tối thiểu.
- Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật và phương pháp giảm nước thất thoát thất thu của các nước tiên tiến vào công tác giảm nước không doanh thu như dò tìm bề ngầm, phân vùng, tách mạng, thiết lập các DMA... để đạt hiệu quả cao.
- Tham mưu, đề xuất Giám đốc trong việc lập kế hoạch cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước trong khu vực phụ trách; và xác định hiệu quả giảm nước không doanh thu.
- Đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban, đội liên quan đến lĩnh vực giảm nước không doanh thu.
- Tổng hợp, theo dõi sản lượng nước thông qua đồng hồ tổng, đồng hồ khách hàng để xác định tỷ lệ thất thoát nước hàng tháng của khu vực quản lý.
- Tham gia vào công tác hậu kiểm, kiểm tra, nghiệm thu dự án, công trình của các phòng, ban, đội có liên quan đến công tác cắt, hủy đường ống, cải tạo ống mục và tham gia nghiệm thu đối với các công trình đưa vào vận hành.
- Giám sát kỹ thuật các hoạt động có tác động đến mạng lưới như: gắn mới, nang, dòi, hạ cở, nâng cở, sửa chữa, tu bổ mạng lưới trên toàn bộ địa bàn Công ty quản lý.
- Tổ chức, kiểm tra, xác minh, xử lý hoàn chính thông tin cập nhật dữ liệu sau khâu đọc chỉ số nước.
- Báo cáo kết quả lượng nước cung cấp, tiêu thụ của từng khu vực theo định kỳ hoặc yêu cầu của Công ty.
- Kiểm tra việc gắn mới, thay đồng hồ nước cho khách hàng và giám sát công tác bấm chỉ đồng hồ nước do các phòng, ban, đội liên quan thực hiện.
- Tổ chức, theo dõi việc thi công các công trình của các đơn vị khác (thoát nước, điện lực, điện thoại..) trên địa bàn Công ty quản lý.
- Quản lý, bảo mật cơ sở dữ liệu khách hàng, hệ thống quản lý khách hàng theo khu vực (DMA,DMZ).

g. Đội Thi công – Xây lắp:

Đội Thi công – Xây lắp được đổi tên từ Đội Thi công – Tu bổ theo Quyết định số 046/QĐ-CNBT-TCHC của Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành ngày 11/02/2015. Qua đó Đội Thi công – Xây lắp gồm hai tổ: Tổ Thi công – Xây lắp và Tổ xe máy.

- ❖ Tổ Thi công – Xây lắp có nhiệm vụ:
 - Thi công gắn mới, nâng dờn hạ cỡ đồng hồ nước;
 - Thi công cải tạo các công trình ống cấp nước;
 - Cơi van, thực hiện các yêu cầu đột xuất, hỗ trợ các công trình cải tạo ống mục,...
- ❖ Tổ Xe máy có nhiệm vụ:
 - Quản lý và vận hành xe, máy móc thiết bị thi công;
 - Quản lý và vận hành trạm bơm tăng áp,...

h. Phòng Thương vụ:

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý và khai thác kinh doanh dịch vụ khách hàng sử dụng nước, quản lý và thực hiện hợp đồng cung cấp nước sạch với khách hàng, kiểm tra kiểm soát việc cung cấp và sử dụng nước, quản lý và khai thác dữ liệu về sản lượng và doanh thu, tồn thu tiền nước; quản lý việc in ấn, phát hành hóa đơn tiền nước và kiểm soát việc giải trách hóa đơn; soạn thảo, xây dựng các quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ quản lý kinh doanh. Phòng Thương vụ có nhiệm vụ:

- ❖ Lĩnh vực khai thác kinh doanh và dịch vụ khách hàng:
 - Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các phương án khai thác kinh doanh và phục vụ khách hàng về cung cấp và sử dụng nước;
 - Thực hiện các giao dịch giữa Công ty và khách hàng sử dụng nước thông qua hợp đồng cung cấp, sử dụng nước: lập hợp đồng, đăng ký định mức, giá biểu, mã số thuế, sang tên hợp đồng, lập phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp, tố cáo liên quan đến hợp đồng cung cấp và sử dụng nước;
 - Thống nhất quản lý hợp đồng cung cấp và sử dụng nước, lập danh bộ và quản lý danh bộ khách hàng và kho lưu trữ hồ sơ gốc khách hàng;
 - Áp dụng giá biểu, định mức nước cung cấp cho khách hàng theo quy định hiện hành.
- ❖ Công tác kinh doanh tổng hợp:
 - Nhập liệu tiêu thụ của khách hàng, kiểm tra và cập nhật những biến động phục vụ công tác phát hành hóa đơn;
 - Quản lý việc in ấn và phát hành hóa đơn;
 - Quản lý và khai thác dữ liệu kinh doanh của Công ty, kiểm tra đối chiếu tình hình doanh thu, tồn thu;
 - Nhập liệu giải trách hóa đơn, kiểm soát việc đăng ngân và nộp tiền cho ngân hàng hằng ngày;
 - Theo dõi, thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty. Kiểm tra và đề xuất việc thanh toán tiền mua nước theo hợp đồng với Tổng Công ty hàng tháng. Nghiên cứu và đề xuất các nội dung cần kiến nghị và thương thảo, bổ sung điều chỉnh hợp đồng hay phụ lục hợp đồng;

- Công tác kiểm tra, kiểm soát:
- Kiểm soát tính chính xác của công tác biên đọc số đồng hồ nước, kiểm tra những bất thường về tiêu thụ của khách hàng, mã hóa số liệu đọc số, kiểm tra nháp hóa đơn;
- Kiểm tra kiểm soát việc sử dụng nước của khách hàng;
- Kiểm tra phòng chống thất thoát, gian lận nước;
- Kiểm tra chỉ niêm đồng hồ nước và quản lý công tác bấm chỉ theo quy định;
- Kiểm tra việc báo thay đồng hồ nước cỡ lớn;
- Lập biên bản khi phối hợp thực hiện công tác kiểm tra hệ thống mạng lưới và sử dụng nước;
- Xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng cung cấp, sử dụng nước: truy thu lượng nước thất thoát, truy thu việc sai giá biểu, định mức; xử lý việc bồi thường thiệt hại cho công ty trong trường hợp xâm phạm hệ thống cấp nước và gian lận nước trên địa bàn quản lý.

i. *Đội thu tiền:*

Là đội tác nghiệp chuyên môn có chức năng thực hiện công tác thu tiền nước khách hàng trên địa bàn quản lý theo hóa đơn do Phòng Thương vụ phát hành; đề xuất và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nhằm giải quyết tồn thu tiền sử dụng nước.

Đội thu tiền có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức thu tiền nước an toàn và hiệu quả; thường xuyên nhận hóa đơn và tổ chức thu tiền nước của khách hàng;
- Quản lý chặt chẽ việc thu và nộp tiền nước và hóa đơn tiền nước; quy định và kiểm tra thực hiện chế độ trách nhiệm đối với nhân viên thu tiền trực tiếp; thu tiền tại quầy trong việc nhận và quản lý tiền nước, hóa đơn tiền nước, các chứng từ liên quan đến việc thu tiền nước;
- Thống kê, tổng hợp và nộp tiền nước đã thu về Phòng Kế toán – Tài chính; nộp hóa đơn lưu và bảng kê thu tổng hợp về Phòng Thương vụ theo quy định;
- Đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý đối với khách hàng nợ tiền nước quá hạn;
- Thực hiện chế độ kiểm kê định kỳ đối với tất cả hóa đơn tiền nước mà Đội quản lý;
- Giải trách hóa đơn thu tiền nước, cuối ngày nhân viên thu tiền nước phải nộp hóa đơn lưu, hóa đơn chưa thu về Đội thu tiền, bảo đảm tổng số tiền nước đã thu phải khớp với số tiền của các hóa đơn đã thu trong ngày; thông báo cho Phòng Kế toán-Tài chính và Phòng Thương vụ biết các số tiền trả dư, trả thiếu so với hóa đơn;
- Lập hệ thống sổ sách duy nhất về quản lý thu tiền để đối chiếu với Phòng Kế toán-Tài chính và Phòng Thương vụ theo định kỳ tháng, quý, năm và đột xuất;
- Thống kê, phân tích, báo cáo tình hình thực thu/doanh thu hàng ngày;
- Thực hiện việc đóng mở nước theo đề nghị của khách hàng hoặc của phòng, ban, đội khác;
- Thực hiện việc đóng mở nước đối với khách hàng nợ tiền nước để chống tồn thu; đề xuất và thực hiện những biện pháp xử lý đối với những trường hợp tồn thu quá 2 kỳ hóa đơn phù hợp với hợp đồng cung cấp và sử dụng nước và các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Phối hợp với các phòng, ban, đội có liên quan để giải quyết công tác cắt hủy danh bộ theo đúng các quy định hiện hành.

j. Đội quản lý đồng hồ nước (ĐHN):

Là đội tác nghiệp chuyên môn có chức năng quản lý tất cả các ĐHN trên địa bàn do Công ty quản lý; biên đọc chỉ số nước tiêu thụ đúng định kỳ; theo dõi chính xác số lượng sử dụng nước của khách hàng qua đồng hồ, phản ánh đúng đối tượng sử dụng nước theo quy định của Công ty;

Đội quản lý đồng hồ nước (ĐHN) có nhiệm vụ:

- Lập sổ theo dõi danh bộ khách hàng hiện có trên địa bàn do Công ty quản lý; tổng hợp thống kê và báo cáo định kỳ số lượng ĐHN hiện đang quản lý;
- Tổ chức biên đọc số đúng định kỳ, theo lịch trình và quản lý chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng. Yêu cầu công tác biên đọc số phải chính xác, đầy đủ, rõ ràng và báo cáo chi tiết để Công ty tính lượng nước tiêu thụ;
- Quản lý và bảo quản tốt sổ đọc số; thực hiện đầy đủ phiếu ghi chỉ số nước tại từng địa chỉ của khách hàng;
- Tổng hợp và báo cáo chỉ số biên đọc hàng ngày, tháng, quý, năm; đề xuất các giải pháp nâng cao sản lượng nước tiêu thụ;
- Theo dõi, báo cáo kịp thời những diễn biến, thay đổi liên quan đến đối tượng sử dụng nước như thay đổi mục đích sử dụng nước để điều chỉnh giá biểu và cập nhật sổ danh bộ;
- Theo dõi và phát hiện kịp thời những thay đổi bất thường về chỉ số nước tiêu thụ, các sự cố liên quan đến ĐHN như đứt chì, bể kiếng, đồng hồ ngưng chạy, hư đồng hồ nước,..., các trường hợp gian lận hoặc vi phạm hợp đồng cung cấp và sử dụng nước để lập biên bản kịp thời (nếu cần thiết); đề xuất giải quyết tạm ngưng cung cấp nước, mở nước, hủy danh bộ, bồi thường ĐHN; đề xuất chương trình thay ĐHN hàng năm; lập bảng kê báo cáo thay ĐHN ngưng, hư, chạy bất thường;
- Giải quyết những phản ánh, khiếu nại của khách hàng liên quan đến ĐHN, chỉ số nước tiêu thụ.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Tính đến thời điểm 15/05/2017, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên cổ đông	Số giấy CMND/ GĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ		
				Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	4106000102	Số 1 Công Trường Quốc Tế, Quận 3, Tp. HCM	4.974.700	49.747.000.000	53,15
2	America LLC	CA5883	PO Box CR-56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas.	1.812.689	18.126.890.000	19,37

Stt	Tên cổ đông	Số giấy CMND/GĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ		
				Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ/VĐL (%)
3	Ngân hàng TMCP Đông Á	301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	936.000	9.360.000.000	10
	Tổng			7.723.389	77.233.890.000	82,52

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành chốt ngày 15/05/2017

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304789925 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 08/01/2007. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến nay thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực

3.3 Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 15/05/2017 cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	337	7.491.711	74.917.110.000	80,04
2.1	Cổ đông nhà nước	1	4.974.700	49.747.000.000	53,15
2.2	Cổ đông tổ chức	6	1.073.835	10.738.350.000	11,47
2.3	Cổ đông cá nhân	330	1.443.176	14.431.760.000	15,42
2	Cổ đông ngoài nước	7	1.868.289	18.682.890.000	19,96
2.1	Cổ đông tổ chức	4	1.863.189	18.631.890.000	19,91
2.2	Cổ đông cá nhân	3	5.100	51.000.000	0,05
3	Cổ phiếu quỹ		0	0	0
	Tổng cộng	344	9.360.000	93.600.000.000	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành chốt ngày 15/05/2017

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

❖ Công ty mẹ

Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên (SAWACO)

- Địa chỉ: 01 Công trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 38291777 Fax: (028) 38241644
- Ngành nghề kinh doanh: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất và sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác về ngành nước. sản xuất kinh doanh vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước và các loại vật liệu xây dựng khác. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện bê tông, ống nước bê tông dự ứng lực, ống nhựa lõi thủy tinh sợi phục vụ cho các công trình cấp nước, thoát nước và các công trình chuyên ngành giao thông công chính,...
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.139.426.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 5.139.426.000.000 đồng
- Vốn góp tại BTW: 49.747.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của SAWACO tại BTW: 53,15% vốn điều lệ

❖ Công ty con và những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5. Hoạt động kinh doanh**5.1 Ngành nghề kinh doanh chính:**❖ **Cung cấp nước sạch:**

Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên (SAWACO) là nhà cung cấp nước sạch đầu vào duy nhất của Công ty. Nguồn nước thô được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn lấy từ sông Đồng Nai, qua nhà máy xử lý, khi đạt tiêu chuẩn về nước sinh hoạt theo tiêu chuẩn quốc gia thì đưa vào hệ thống đường ống truyền tải trên khắp thành phố, trong đó có Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành. Sau khi tiếp nhận nguồn nước, Công ty phân phối trực tiếp cho khách hàng, không cần xử lý lại.

Hiện nay, nguồn nước do SAWACO cung cấp luôn ổn định, đảm bảo đủ cung cấp cho nhu cầu của khách hàng trên địa bàn của Công ty. BTW cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, văn phòng làm việc và nhu cầu sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn công ty thực hiện dịch vụ. Cơ cấu khách hàng sử dụng nước (tính đến tháng 08/2017):

STT	Loại khách hàng	Tỷ lệ (%)
1	Sinh hoạt dân cư	50,95
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	12,29
3	Hoạt động sản xuất	0,29
4	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	36,47

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành

❖ **Cung cấp dịch vụ khác:**

Súc xả đường ống; tái lập mặt đường; gắn đồng hồ nước cho các khách hàng có thu tiền (không thuộc đối tượng được gắn đồng hồ nước miễn phí theo Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ), bao gồm: khách hàng không phải là hộ gia đình (là các tổ chức); khách hàng sử dụng đồng hồ nước trên 15 ly (15 cm); khách hàng gắn đồng hồ nước ở xa mạng lưới cấp nước của Công ty); di dời đồng hồ nước; kiểm định đồng hồ nước; sửa bể đường ống nước; cung cấp họa đồ;...

5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm✦ *Sản lượng nước*

Nằm trên địa bàn trung tâm thành phố và cơ cấu dân cư gần như bão hòa nên việc phát triển tăng thêm lượng nước tiêu thụ của khách hàng gặp không ít khó khăn, Công ty đã cố gắng phát triển cải tạo mạng lưới cấp nước đến từng hộ nằm cuối ranh giới địa bàn, tăng áp lực nước trên hệ thống cấp nước những khu vực trước đây áp lực thấp hơn 0,4 bar để góp phần tăng thêm lượng nước tiêu thụ. Bên cạnh những khó khăn về địa bàn dân cư và cơ cấu hành chính lãnh thổ đã bão hòa thì Công ty là đơn vị cấp nước có giá bán bình quân cao nhất trong toàn Tổng Công ty. Giá bán bình quân qua các năm, tỷ lệ cơ cấu giá bán cho các đối tượng là sinh hoạt, sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp và kinh doanh dịch vụ được thể hiện qua các bảng phân tích sau.

Tỷ lệ \ Năm	2013	2014	2015	2016	6 Tháng đầu năm 2017
Sinh hoạt dân cư	56,96%	56,03%	54,69%	53,73%	51,35%
Hoạt động sản xuất	1,08%	0,92%	0,78%	0,68%	0,27%
Cơ quan hành chính sự nghiệp	21,30%	21,12%	13,85%	12,94%	13%
Hoạt động kinh doanh dịch vụ	20,77%	21,93%	30,68%	32,65%	35,38%

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG, TIỀN NƯỚC VÀ GIÁ BÁN BÌNH QUÂN NĂM 2014

KỶ	TRONG KỶ			LŨY KẾ ĐẾN KỶ			
	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³)	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³) 11 kỳ (từ kỳ 2 đến kỳ 12)	GBBQ (đ/m ³)
1	2	3	4=3/2	5	6	7=6/5	8=6/5
01/2014	3.213.227	31.859.779.382	9.915,20	3.213.227	31.859.779.382		9.915,20
02/2014	3.104.139	30.580.176.645	9.851,42	6.317.366	62.439.956.027	9.851,42	9.883,86
03/2014	3.127.217	30.962.690.832	9.901,04	9.444.583	93.402.646.859	9.876,32	9.889,55
04/2014	3.300.881	32.931.151.163	9.976,47	12.745.464	126.333.798.022	9.911,00	9.912,06
05/2014	3.271.514	32.390.362.643	9.900,73	16.016.978	158.724.160.665	9.908,38	9.909,74
06/2014	3.306.809	32.742.393.716	9.901,51	19.323.787	191.466.554.381	9.906,97	9.908,33
07/2014	3.191.885	31.528.991.561	9.877,86	22.515.672	222.995.545.942	9.902,15	9.904,01
08/2014	3.196.730	31.799.474.537	9.947,50	25.712.402	254.795.020.479	9.908,60	9.909,42
09/2014	3.239.388	32.154.555.896	9.926,12	28.951.790	286.949.576.375	9.910,80	9.911,29
10/2014	3.225.073	31.942.734.540	9.904,50	32.176.863	318.892.310.915	9.910,10	9.910,61
11/2014	3.245.555	32.240.381.605	9.933,70	35.422.418	351.132.692.520	9.912,48	9.912,73
12/2014	3.307.659	33.165.167.038	10.026,78	38.730.077	384.297.859.558	9.923,12	9.922,47
BQ	3.227.506	32.024.821.630	9.921,90				

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG, TIỀN NƯỚC VÀ GIÁ BÁN BÌNH QUÂN NĂM 2015

KỶ	TRONG KỶ			LŨY KẾ ĐẾN KỶ			
	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³)	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ(đ/m ³) 11 kỳ (từ kỳ 2 đến kỳ 12)	GBBQ (đ/m ³)
1	2	3	4=3/2	5	6	7=6/5	8=6/5
01/2015	3.212.831	32.212.857.063	10.026,32	3.212.831	32.212.857.063		10.026.32
02/2015	3.099.053	30.858.119.787	9.957,27	6.311.884	63.070.976.850	9.957,27	9.992.42
03/2015	2.982.336	29.317.704.804	9.830,45	9.294.220	92.388.681.654	9.895,08	9.940.44
04/2015	3.272.739	32.966.230.959	10.072,98	12.566.959	125.354.912.613	9.957,32	9.974.96
05/2015	3.214.624	32.059.220.140	9.972,93	15.781.583	157.414.132.753	9.961,31	9.974.55
06/2015	3.276.379	32.881.411.784	10.035,90	19.057.962	190.295.544.537	9.976,74	9.985.09
07/2015	3.228.976	32.532.298.243	10.075,11	22.286.938	222.827.842.780	9.993,39	9.998.14
08/2015	3.278.337	33.203.516.980	10.128,16	25.565.275	256.031.359.760	10.013,16	10.014.81
09/2015	3.296.413	33.410.615.342	10.135,45	28.861.688	289.441.975.102	10.028,87	10.028.59
10/2015	3.317.555	33.625.149.720	10.135,52	32.179.243	323.067.124.822	10.041,09	10.039.61
11/2015	3.320.097	33.789.193.076	10.177,17	35.499.340	356.856.317.898	10.055,08	10.052.48
12/2015	3.380.249	36.017.973.510	10.655,42	38.879.589	392.874.291.408	10.111,98	10.104.90
BQ	3.239.966	32.739.524.284	10.100,22				

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG, TIỀN NƯỚC VÀ GIÁ BÁN BÌNH QUÂN NĂM 2016

KỶ	TRONG KỶ			LŨY KẾ ĐẾN KỶ			
	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³)	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³) 11 kỳ (từ kỳ 2 đến kỳ 12)	GBBQ (đ/m ³)
1	2	3	4=3/2	5	6	7=6/5	8=6/5
01/2016	3.291.374	35.364.779.510	10.744,69	3.291.374	35.364.779.510		10.744,69
02/2016	3.229.771	34.465.525.940	10.671,10	6.521.145	69.830.305.450	10.671,20	10.708,29
03/2016	3.136.844	33.197.225.980	10.583,00	9.657.989	103.027.531.430	10.627,74	10.667,60
04/2016	3.293.635	35.195.862.710	10.686,02	12.951.624	138.223.394.140	10.647,61	10.672,28
05/2016	3.394.829	36.434.662.950	10.732,40	16.346.453	174.658.057.090	10.669,66	10.684,77
06/2016	3.358.502	36.224.230.660	10.785,83	19.704.955	210.882.287.750	10.693,43	10.701,99
07/2016	3.254.335	35.064.018.170	10.774,56	22.959.290	245.946.305.920	10.706,86	10.712,28
08/2016	3.286.238	35.701.891.470	10.864,06	26.245.528	281.658.197.390	10.729,39	10.731,28
09/2016	3.340.972	36.286.532.470	10.861,07	29.586.500	317.934.729.860	10.746,10	10.745,94
10/2016	3.299.510	35.859.492.050	10.868,13	32.886.010	353.794.221.910	10.759,70	10.758,20
11/2016	3.349.439	36.602.002.450	10.927,80	36.235.449	390.396.224.360	10.776,79	10.773,88
12/2016	3.385.523	37.110.650.120	10.961,57	39.620.972	427.506.874.480	10.794,01	10.789,91
BQ	3.301.748	35.625.572.873	10.789,91				

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG, TIỀN NƯỚC VÀ GIÁ BÁN BÌNH QUÂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

KỶ	TRONG KỶ			LŨY KẾ ĐẾN KỶ			
	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³)	SẢN LƯỢNG (m ³)	TIỀN NƯỚC (đồng)	GBBQ (đ/m ³) 11 kỳ (từ kỳ 2 đến kỳ 12)	GBBQ (đ/m ³)
1	2	3	4=3/2	5	6	7=6/5	8=6/5
01/2017	3.400.702	37.648.280.500	11.070,74	3.400.702	37.648.280.500		11.070,74
02/2017	3.133.331	33.971.017.860	10.841,82	6.534.033	71.619.298.360		10.960,96
03/2017	3.148.887	34.470.730.040	10.946,96	9.682.920	106.090.028.400		10.956,41
04/2017	3.367.022	37.138.677.410	11.030,13	13.049.942	143.228.705.810		10.975,43
05/2017	3.321.648	36.440.230.330	10.970,53	16.371.590	179.668.936.140		10.974,43
06/2017	3.325.492	36.410.308.760	10.948,85	19.697.082	216.079.244.900		10.970,11
BQ	3.282.847	36.013.207.483	10.968				

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

✦ Cơ cấu Doanh thu thuần

STT	Mặt hàng	Năm 2015		Năm 2016		6 Tháng đầu năm 2017	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần Cung cấp nước sạch	396.424.544.238	98,77%	430.685.776.944	99,06%	216.535.312.162	99,34%
2	Doanh thu thuần Cung cấp dịch vụ khác	4.917.784.078	1,23%	4.067.970.982	0,94%	1.436.575.977	0,66%
Tổng cộng Doanh thu thuần		401.342.328.316	100%	434.753.747.926	100%	217.971.888.139	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Doanh thu thuần năm 2016 tăng 33.411.419.610 đồng, tương ứng 8,32% so với doanh thu thuần đạt được năm 2015. Trong đó, Doanh thu thuần Cung cấp nước sạch chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu thuần và tăng từ 98,77% năm 2015 lên 99,06% năm 2016; Doanh thu thuần Cung cấp dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể có xu hướng giảm từ 1,23% năm 2015 xuống 0,94% năm 2016 vì công ty tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng cung cấp nước sạch để tăng Doanh thu thuần cung cấp nước sạch vì đây là hoạt động cốt lõi của công ty. 6 Tháng đầu năm 2017 Doanh thu thuần tăng 4.664.828.703 đồng, tương ứng với 2,19% so với cùng kỳ năm ngoái (doanh thu thuần 6 Tháng đầu năm 2016 là 213.307.059.436 đồng, doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2017 là 217.971.888.139 đồng). Nguyên nhân là do giá bán nước bình quân tăng 268 đồng/m³ tức 2,51% (tăng từ 10.682 đồng/m³ lên đến 10.950 đồng/m³ trong suốt 6 tháng đầu năm 2017).

✦ Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mặt hàng	Năm 2015		Năm 2016		6 Tháng đầu năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng / DTT (%)
1	Lợi nhuận cung cấp nước sạch	81.528.899.533	20,31%	113.009.971.567	25,99%	47.846.312.816	21,95%
2	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ khác	2.310.057.820	0,58%	2.489.870.809	0,57%	717.843.711	0,33%
Tổng cộng		83.838.957.353	20,89%	115.499.842.376	26,57%	48.564.156.527	22,28%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Lợi nhuận gộp năm 2016 tăng 31.660.885.023 đồng, tương ứng 37,76% so với lợi nhuận gộp đạt được năm 2015. Trong đó, lợi nhuận gộp Cung cấp nước sạch chiếm tỷ trọng lớn nhất, tỷ trọng Lợi nhuận gộp so với doanh thu thuần tăng từ 20,31% năm 2015 lên 25,99% năm 2016 do hoạt động sửa chữa ống mục theo kế hoạch triển khai công tác sửa chữa các đoạn ống mục nghẹt năm 2015 nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước được thông qua tại Nghị quyết số 007/NQ-CNBT-HĐQT ngày 05/02/2015 của HĐQT Công ty đã phát huy tác dụng kéo giảm chi phí (giá vốn hàng bán của đơn vị chỉ tăng 0,55% so với năm 2015) nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2016; Lợi nhuận gộp Cung cấp dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và so với doanh thu thuần đạt 0,58% năm 2015 và 0,57% năm 2016 vì công ty tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng cung cấp nước sạch để tăng Doanh thu thuần cung cấp nước sạch vì đây là hoạt động cốt lõi của công ty nên hoạt động dịch vụ khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

6 Tháng đầu năm 2017 lợi nhuận gộp giảm khoảng 8 tỷ đồng tức 14% so với cùng kì năm trước (lợi nhuận gộp 6 Tháng đầu năm 2016 là 56.479.512.646 đồng). Nguyên nhân là do đơn giá tiền nước mua sỉ của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV qua tăng từ 4.693,43 đồng/m³ lên đến 5.216.62 đồng/m³ trong suốt 6 tháng đầu năm 2017, dẫn đến giá vốn hàng bán tăng mạnh 12,6 tỷ đồng tức 8,02% (giá vốn hàng bán 6 Tháng đầu năm 2016: 156.8 tỷ đồng, giá vốn hàng bán 6 Tháng đầu năm 2017: 169.4 tỷ đồng).

5.3 Nguyên vật liệu

✦ Nguồn nguyên vật liệu

Công Ty Cổ phần Cấp Nước Bến Thành mua sỉ nguồn nước sạch qua đồng hồ tổng của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV và nguồn nước sạch này đã được qua kiểm định đảm bảo theo yêu cầu chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nguồn cung cấp nước này luôn ổn định và thường xuyên lâu dài, nguồn nước này được lấy từ Sông Đồng Nai đã được qua xử lý để có nước sạch cung cấp cho hệ thống cấp nước cho địa bàn Quận 1 và Quận 3.

STT	Tên nguyên liệu chính	Nhà cung cấp	Nước SX	Số lượng m ³ /năm	Tỷ trọng
1	Nước sạch (đã qua xử lý)	Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV	Việt Nam	62.993.615	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

✦ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Công ty mua sỉ nước sạch đã qua xử lý từ Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV nên nguồn cung cấp được duy trì ổn định qua các năm.

✦ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá mua bán sỉ nước sạch do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn ấn định trên cơ sở cân đối giữa giá bán lẻ do UBND Thành phố và chi phí sản xuất nước sạch của Tổng Công ty. Do vậy giá nước bán sỉ, giá nước bán lẻ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

5.4 Chi phí sản xuất:**✦ Cơ cấu chi phí:**

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		6 Tháng đầu năm 2017	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	317.503.370.963	79,11%	319.253.905.550	73,43%	169.407.731.612	77,72%
Chi phí bán hàng	49.226.883.547	12,27%	71.178.259.205	16,37%	28.525.226.725	13,09%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.267.500.576	7,04%	33.042.384.630	7,60%	16.116.969.617	7,39%
Chi phí khác	6.600.000	0,002%	2.763.311	0,00%	143.596.317	0,07%
Tổng cộng	395.004.355.086	98,42%	423.477.312.696	97,41%	214.193.524.271	98,27%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Tổng chi phí chiếm khoảng 97%-98%/ doanh thu thuần mỗi năm. Trong đó, Chi phí Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất so với doanh thu thuần lần lượt là 79,11% năm 2015, 73,43% năm 2016 và 77,72% trong 6 Tháng đầu năm 2017; Chi phí bán hàng so với doanh thu thuần chiếm tỷ trọng lần lượt là 12,27% năm 2015, 16,37% năm 2016 và 13,09% trong 6 tháng đầu năm 2017; Chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần lần lượt là 7,04% năm 2015, 7,60% năm 2016 và 7,39% trong 6 tháng đầu năm 2017. Chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Năm 2016, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4.774.884.054 đồng tương ứng 16,89% so với năm 2015. Đáng chú ý nhất là chi phí bán hàng tăng 21.814.238.498 đồng tương ứng 44,59% trong năm 2015 là do trong năm 2015 và 2016, Công ty thực hiện các hoạt động sửa chữa ống mục theo kế hoạch triển khai công tác sửa chữa các đoạn ống mục nghẹt nhằm giảm tỉ lệ thất thoát nước được thông qua tại Nghị quyết 007/NQ-CNBT-HDQT ngày 05/02/2015 của Hội đồng quản trị Công ty. Các công trình sửa chữa lớn có giá trị lớn được ghi nhận là Chi phí trả trước dài hạn, và phân bổ trong thời gian không quá 3 năm. Chi phí này được phân bổ vào chi phí bán hàng khiến chi phí này tăng mạnh trong năm 2015 và 2016 so với năm 2014. Chi phí giá vốn hàng bán và chi phí khác biến động không đáng kể.

Chi phí 6 tháng đầu năm 2017 tăng 10.243.477.841 đồng tương ứng 5,02% so với 6 tháng đầu năm 2016 làm tăng tỷ trọng chi phí/doanh thu thuần tăng từ 95,61% của 6 tháng đầu năm 2016 lên 98,27% trong 6 tháng đầu năm 2017. Do trong 6 Tháng đầu năm 2017, giá vốn hàng bán tăng 12.580.184.822 đồng tương ứng 8,02% so với cùng kỳ năm ngoái làm tăng tỷ trọng giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần tăng từ 73,52% lên 77,72%, nguyên nhân là do đơn giá tiền nước mua sỉ của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV tăng từ 4.693,43 đồng/m³ lên đến 5.216,62 đồng/m³ trong suốt 6 tháng đầu năm 2017. Chi phí bán hàng giảm 4.479.803.006 đồng tương ứng 13,57% so với cùng kỳ năm ngoái góp phần giảm tỷ trọng chi phí bán hàng/doanh thu thuần từ 15,47% xuống 13,09%. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng

2.000.620.291 đồng tương ứng 6,62% so với cùng kỳ năm ngoái làm tăng tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/ doanh thu thuần tăng từ 6,62% lên 7,52% nguyên nhân là do công ty tăng dự phòng phải thu khó đòi là 660.626.157 đồng (bao gồm: Truy thu tiền nước theo Thanh tra Bộ tài chính năm 2015: 209.884.752 đồng; truy thu tiền nước bổ sung theo Kiểm toán nhà nước năm 2016: 219.147.588; khoản biên thủ tiền thu nước của ông Lê Trung Huy được phát hiện vào tháng 7 năm 2013: 231.593.817 đồng) và đầu tư trang bị dụng cụ, vật dụng văn phòng, trả lương nhân viên quản lý, thuê dịch vụ bên ngoài để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, chi phí khác không đáng kể.

5.5 Trình độ công nghệ

Nhằm đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất, đi đôi với việc mở rộng sản xuất, tăng sản lượng các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và đầu tư sản xuất sản phẩm mới, Công ty luôn chú trọng và mạnh dạn đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng thiết bị hiện đại nhằm mục tiêu tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, mức độ tiêu hao nguyên nhiên liệu thấp hơn, giảm thiểu chất thải ra môi trường, an toàn cho người sản xuất và người sử dụng sản phẩm.

a. Công tác Thu tiền nước:

- Ứng dụng mã vạch vào hoá đơn tiền nước: giảm thời gian nhập dữ liệu tiền nước thu được trong ngày, kiểm soát thông tin hoá đơn thu vào, phát ra giúp phát hiện kịp thời những trường hợp thu trùng, thu thiếu tiền nước.
- Thu tiền nước qua các hệ thống ngân hàng (Agribank, Vietin Bank, Excimbank,...), các dịch vụ thu hộ (Payoo, Viettel, Momo ...) bằng nhiều hình thức khách hàng có thể đóng tiền tại phòng giao dịch, tại các siêu thị (Citimart, Vinmart, Nguyễn Kim ...), cửa hàng điện máy (Thế giới di động, Viễn thông A, FPT shop ...), thanh toán trực tuyến trên website Công ty, nhắn tin điện thoại của thuê bao Viettel, Công ty tạo điều kiện cho khách hàng có nhiều sự lựa chọn, giảm thời gian đóng tiền nước.

b. Công tác đọc số:

- Đọc số bằng thiết bị đọc số cầm tay: giảm thời gian nhập dữ liệu chỉ số tiêu thụ, kiểm soát được các trường hợp đọc nhầm chỉ số, đọc thiếu địa chỉ khách hàng, phát hiện nhanh chóng các trường hợp tiêu thụ bất thường ngay tại thời điểm đọc chỉ số để thông báo cho khách hàng có các biện pháp giải quyết nhằm giảm thất thoát nước kịp thời, tránh gây lãng phí cho khách hàng.

c. Thông tin về callcenter và Hóa đơn điện tử

- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử nhằm giảm thiểu các chi phí in ấn, bảo quản, lưu trữ hóa đơn, giảm các thủ tục hành chính, thuận tiện cho việc hạch toán kế toán, đối chiếu dữ liệu và tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán, sao kê, truy xuất thông tin.
- Triển khai dịch vụ Tổng đài điện thoại Call Center (dịch vụ / trung tâm chăm sóc khách hàng) để lưu giữ và quản lý thông tin phản ánh của khách hàng qua điện thoại một cách khoa học và hiệu quả. Tổ chức thu thập thông tin và ý kiến của khách hàng cũng như

truyền tải thông tin các chương trình sự kiện của Công ty đến khách hàng một cách nhanh chóng, thuận tiện. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ tiếp nhận và xử lý thông tin, nâng cao nhận thức, thái độ làm việc của công nhân viên, giải quyết kịp thời thỏa đáng các phản ánh của khách hàng.

- Từng bước thay đổi công nghệ trong công tác quản lý và đọc chỉ số đồng hồ nước của khách hàng, phấn đấu đến cuối năm 2020 tất cả công tác ghi chỉ số đồng hồ nước được thực hiện bằng thiết bị điện tử mà không cần vào nhà khách hàng, bên cạnh đó cũng thực hiện theo chủ trương của Tổng Công ty được sự đồng thuận của chính quyền địa phương từng bước hoàn chỉnh việc cải tạo, thay thế và đưa đồng hồ nước lắp đặt cho khách hàng ra khỏi khuôn viên nhà khách hàng để thuận tiện cho việc đọc số và quản lý. Triển khai các dịch vụ liên quan về ngành nước như thiết kế và thay thế hệ thống cấp nước cho các chung cư, các du dân cư phức hợp.

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

a. Trong công tác quản lý Đồng hồ nước:

- Bước đầu triển khai sử dụng đồng hồ 15 ly tích hợp xung phát sóng radio đo đọc từ xa nhằm thay thế các đồng hồ 15 ly loại cũ (loại thẻ tích).
- Đối với các khu vực có nhu cầu dùng nước biến động liên tục, Công ty thực hiện thay đồng hồ compound, đồng hồ điện tử để mở rộng giải đọc số và tiện lợi trong việc theo dõi sản lượng nước sử dụng của khách hàng (đồng hồ điện tử có chức năng đo đếm dòng nước chảy ngược)
- Thực hiện gắn van bi khoá từ phía trước đồng hồ nước 15ly để có thể cắt nước mà không cần đào đường đối với các trường hợp khách hàng nợ tiền nước hoặc tạm ngưng sử dụng nước.

b. Trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước:

- Phân chia mạng lưới cấp nước thành các đồng hồ nước tiểu vùng (DMA), qua đó kiểm soát lượng nước thất thoát tại mỗi DMA qua các đồng hồ tổng, từ đó chọn lọc tập trung tầm soát mạng lưới, dò tìm điểm bể đối với các DMA có tỉ lệ thất thoát nước cao.
- Công ty đã đầu tư các thiết bị kỹ thuật phục vụ việc quản lý mạng lưới và chống thất thoát nước, cụ thể: leak pen dò tìm điểm bể, máy US-Rada...
- Công ty thực hiện gắn hộp đồng hồ nước 15ly và đưa ra ngoài bất động sản khách hàng để thuận tiện trong công tác quản lý, chống thất thoát nước và biên đọc chỉ số nước;
- Ứng dụng các vật tư mới để lắp đặt vào mạng lưới cấp nước như : sử dụng ống nhựa HDPE thay cho ống nhựa PVC trên mạng cấp 3; sử dụng ống nhánh dịch vụ khách hàng chất liệu nhôm nhựa AL-PE-AL thay cho ống PE; sử dụng trụ cứu hoả âm (trên đường Nguyễn Huệ); kiềng câu nước tích hợp van cóc,

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hàng tuần định kỳ Ban QLGNKDT sẽ phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng nước Tổng Công ty để lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước trên địa bàn quản lý cấp nước của Công ty.

- Số lượng mẫu: 10 mẫu/ tuần ở các khu vực vị trí khác nhau.
- Các chỉ tiêu xét nghiệm: màu sắc, độ cứng tính theo CaCO₃; Clor dư; PH; độ đục; độ mặn; hàm lượng sắt; hàm lượng Mangan; hàm lượng Nitrat; hàm lượng Sunfat; hàm lượng Coliform; hàm lượng Nitrit; chỉ số Pecmanganat; Ecoli hoặc Coliform chịu nhiệt.
- Ngoài ra, Ban QLGNKDT còn phối hợp với trung tâm y tế dự phòng kiểm tra chất lượng nước trên địa bàn quản lý của Công ty.

5.8 Hoạt động tiếp thị (marketing):

- Là sản phẩm đặc thù mang tính dịch vụ công ích và là nhu cầu thiết yếu của đời sống xã hội nên Công ty chú trọng vào lĩnh vực chăm sóc khách hàng, phát triển các dịch vụ nhằm mang lại tiện ích cho khách hàng. Trong thời gian qua công ty đã cải tiến thủ tục hành chính, quy trình giải quyết các yêu cầu của khách hàng đáp ứng một cách nhanh nhất, tốt nhất. Liên kết với các đơn vị thu hộ tiền nước như Dịch vụ thanh toán Payoo, dịch vụ thanh toán ví điện tử MoMo, phối hợp với các ngân hàng thương mại cổ phần như Đông Á Bank, VietinBank, EximBank... để đáp ứng nhu cầu thanh toán không dung tiền mặt của khách hàng cũng như nhu cầu an toàn về thu nộp tiền nước của doanh nghiệp.
- Trong thời gian tới Công ty chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành, các sản phẩm dịch, tiện ích đều được đáp ứng công nghệ từ khâu ghi chỉ số nước hàng tháng đến công việc thu nộp tiền nước và giải quyết thắc mắc khiếu nại của khách hàng cũng như thông tin về sản phẩm dịch vụ, chính sách và sự cố mất nước đều được xử lý nhanh và tiện ích nhất.
- Chiến lược phát triển và mở rộng thị trường: Do nhu cầu về an toàn trong sử dụng nước và tiến tới cấp nước sạch uống tại vòi, Công ty hướng đến đầu tư thí điểm công nghệ xử lý nước trên hệ thống cấp nước cho các tòa nhà cao tầng hay khu dân cư cao cấp bằng hệ thống xử lý hiện đại đảm bảo nước uống được tại vòi trong việc sử dụng của các hộ trong khu vực này và phát triển nhân rộng khi khách hàng có nhu cầu.

5.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện đăng ký nhãn hiệu thương mại và đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho hàng hóa, sản phẩm của Công ty.

Logo hiện nay Công ty đang sử dụng:



5.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn mà Công ty đã ký Hợp đồng với các đối tác lớn, đã và đang thực hiện trong năm 2015-2017 như sau:

Stt	Đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện Hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
I. Một số hợp đồng mua bán vật tư có giá trị lớn trên 500 triệu đồng					
1	Công ty TNHH Kỹ Thuật và Thiết bị Hoa Hồng	Gói thầu: C/c TB dò bề ngấm tiền định vị, tương quan âm	655.050.000	06/04/2015	Đã hoàn thành
2	Công ty TNHH Giải Pháp Môi trường và Nước Việt	Gói thầu: C/c Ống gang dẻo 300mm	955.680.000	15/04/2015	Đã hoàn thành
3	Công ty TNHH Giải Pháp Môi trường và Nước Việt	Gói thầu: C/c Ống gang dẻo DN250mm	832.590.000	22/06/2015	Đã hoàn thành
4	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt	Gói thầu: C/c Ống gang dẻo DN200mm	1.764.180.000	30/06/2015	Đã hoàn thành
5	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt	Gói thầu: C/c Ống gang dẻo DN350mm	974.820.000	01/07/2015	Đã hoàn thành
6	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	Gói thầu: C/c Ống nhựa 100uPVC và 150 uPVC	764.742.000	03/12/2015	Đã hoàn thành
7	Công ty TNHH Giải Pháp Môi trường và Nước Việt	Gói thầu: C/c Ống gang dẻo DN250mm	976.800.000	07/12/2015	Đã hoàn thành
8	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.342.598.400	02/02/2015	Đã hoàn thành
9	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	2.687.493.600	24/04/2015	Đã hoàn thành
10	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 25mm và 50mm	1.075.800.000	05/05/2015	Đã hoàn thành
11	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.332.639.000	02/11/2015	Đã hoàn thành
12	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.332.639.000	21/01/2016	Đã hoàn thành
13	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.332.639.000	01/04/2016	Đã hoàn thành
14	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 25mm và 50mm cấp C	1.440.733.008	21/06/2016	Đã hoàn thành
15	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.350.388.600	02/08/2016	Đã hoàn thành

Stt	Đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện Hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng
16	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 50mm cấp C	600.779.520	09/09/2016	Đã hoàn thành
17	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.332.183.600	30/08/2016	Đã hoàn thành
18	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Đồng hồ nước 15mm cấp C	1.350.388.600	11/10/2016	Đã hoàn thành
19	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	Ống nhựa 100uPVC	732.952.000	22/06/2016	Đã hoàn thành
20	Công ty TNHH Ha Đạt	Vật tư phụ tùng gang	2.932.586.800	18/08/2016	Đã hoàn thành
21	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Hợp đồng Mua bán si nước sạch kỳ 01/2017	25.150.482.228	23/01/2017	Đã hoàn thành
22	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Hợp đồng Mua bán si nước sạch kỳ 02/2017	24.094.380.220	21/02/2017	Đã hoàn thành
23	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Hợp đồng Mua bán si nước sạch kỳ 03/2017	25.218.857.177	30/3/2017	Đã hoàn thành

II. Hợp đồng thi công các công trình XD CB có giá trị trên 2 tỷ đồng

1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Trường	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	2.190.789.713	50 ngày	Đã hoàn thành
2	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	2.049.765.898	50 ngày	Chưa quyết toán
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước Thiên Phú	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	2.025.674.410	55 ngày	Chưa quyết toán
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Trường	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	3.380.450.000	80 ngày	Đã hoàn thành
5	Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Trang	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	2.533.258.400	104 ngày	Chưa quyết toán
6	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Trường	Cung cấp vật tư, phụ tùng và thi công xây lắp	2.293.015.109	65 ngày	Chưa quyết toán

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 – 2016 và 6 Tháng đầu năm 2017

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm năm 2016 / năm 2015	6 Tháng đầu năm 2017
1.	Tổng tài sản	197.684.087.286	199.708.244.485	1,02%	195.848.253.571
2.	Vốn chủ sở hữu	139.214.662.745	142.357.979.027	2,26%	140.492.385.987
3.	Doanh thu thuần	401.342.328.316	434.753.747.926	8,32%	217.971.888.139
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.255.331.683	12.302.392.213	32,92%	4.278.189.298
5.	Lợi nhuận khác	353.360.025	351.487.077	-0,53%	4.523.094.261
6.	Lợi nhuận trước thuế	9.608.691.708	12.653.879.290	31,69%	8.801.283.559
7.	Lợi nhuận sau thuế	7.795.170.127	10.582.850.675	35,76%	7.164.406.960
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức* (%/LNST)	78,05%	61,91%	-	-
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	5,6%	7,52%	-	5,07%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

(*): Tỷ lệ cổ tức năm 2015 là 6,5%/mệnh giá, năm 2016 là 7%/mệnh giá.

- Vấn đề nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2016:

“ Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 7i trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó Công ty trích lập dự phòng công nợ truy thu tiền nước (theo kết luận của Thanh tra Bộ tài chính và Kiểm toán nhà nước) và công nợ tiền nước bị biến thủ của ông Lê Trung Huy dựa trên tuổi nợ của khoản nợ theo quy định tại Thông tư 228/2009 ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Tuy nhiên, giá trị dự phòng đã trích lập có thể có sự khác biệt với giá trị không thể thu hồi thực tế. Vấn đề cần nhận mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.”

- Vấn đề nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán tại BCTC bán niên soát xét 2017:

“ Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 6i trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả Công ty trích lập dự phòng công nợ truy thu tiền nước (theo kết luận của Thanh tra Bộ tài chính và Kiểm toán nhà nước) và công nợ tiền nước bị biến thủ của ông Lê Trung Huy dựa trên tuổi nợ của khoản nợ theo quy định tại Thông tư 228/2009 ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Tuy nhiên, giá trị dự phòng đã trích lập có thể có sự khác biệt với giá trị không thể thu hồi thực tế.”

Việc trích lập dự phòng của Công ty thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá bán hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Những vấn đề nhân mạnh của đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của CTCP Cấp nước Bến Thành.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phát triển khá ổn định trong giai đoạn 2015-2016. Năm 2016, doanh thu thuần tăng hơn 33 tỷ đồng tương ứng 8,32% so với doanh thu thuần năm 2015, lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng gần 2,8 tỷ đồng, tương ứng 35,76% so năm 2015. Do công ty thực hiện sửa chữa ống mục theo kế hoạch triển khai công tác sửa chữa các đoạn ống mục nghẹt năm 2015 nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước được thông qua tại Nghị quyết số 007/NQ-CNBT-HĐQT ngày 05/02/2015 của HĐQT Công ty đã phát huy tác dụng kéo giảm chi phí (giá vốn hàng bán của đơn vị chỉ tăng 0,55% so với năm 2015) nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2016.

6 Tháng đầu năm 2017 ghi nhận doanh thu thuần tăng hơn 4,6 tỷ đồng tương ứng 2,19% so với cùng kì năm trước (doanh thu thuần 6 Tháng đầu năm 2016 là 213.307.059.436 đồng) do đơn giá nước sạch của các đơn vị kinh doanh dịch vụ đã được điều chỉnh tăng lên đúng biểu giá theo Quyết định 103/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng lợi nhuận sau thuế giảm khoảng 1 tỷ đồng tương ứng -12,38% so với lợi nhuận sau thuế 6 Tháng đầu năm 2016 (lợi nhuận sau thuế 6 Tháng đầu năm 2017 là 7.164.406.960 đồng, lợi nhuận sau thuế 6 Tháng đầu năm 2016 là 8.176.868.907 đồng). Nguyên nhân là do đơn giá tiền nước bán sỉ tăng 523,19 đồng/m³ tương ứng 11,15% (tăng từ 4.693,43 đồng/m³ lên đến 5.216.62 đồng/m³ trong suốt 6 tháng đầu năm 2017). Dẫn đến giá vốn hàng bán tăng mạnh 12,6 tỷ đồng tương ứng 8,02% (giá vốn hàng bán 6 Tháng đầu năm 2016: 156.827.546.790 đồng, giá vốn hàng bán 6 Tháng đầu năm 2017: 169.407.731.612 đồng).

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 2016

✦ Những nhân tố thuận lợi

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định làm điều kiện nền tảng cho sự tăng trưởng trong doanh thu của Công ty;
- Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh, một số cao ốc văn phòng có quy mô lớn trên địa bàn qua thời gian xây dựng, hòa thiện đưa vào sử dụng có sản lượng tiêu thụ lớn là một thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Mạng lưới cấp nước trên địa bàn hoạt động gần như đã phủ kín nên không tốn chi phí nhiều cho việc đầu tư phát triển mạng;
- Đối tượng khách hàng: Địa bàn Công ty quản lý là hai quận trung tâm thành phố gồm 65.972 đồng hồ nước đảm bảo việc cung cấp nước cho khoảng 100.000 khách hàng là các hộ dân thuộc Quận 1, Quận 3 và nhiều cơ quan hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ. Trong đó, tỷ trọng sản lượng nước tiêu thụ địa bàn Quận 1

chiếm khoảng 65% tổng sản lượng nước tiêu thụ Công ty quản lý, còn lại Quận 3 là 35%.

- Tập thể CB-CNV có trình độ chuyên môn ngày càng nâng cao, có tinh thần đoàn kết, gắn bó với ngành Cấp nước cũng như với Công ty.

⚡ **Những nhân tố khó khăn**

- **Tính chất mạng lưới cấp nước:** Tổng chiều dài mạng lưới đường ống cấp 3 Quận 1 và Quận 3 (trừ Phường 12, 13, 14 Quận 3) đa phần là hệ thống ống gang cũ lắp đặt từ thời Pháp thuộc chiếm tỷ lệ 50,40% tổng mạng lưới đường ống. Đây là một trong những khó khăn khi Công ty thực hiện dự án giảm thất thoát nước năm 2015:
- **Hệ thống ngầm:** Khu vực Quận 1 và Quận 3 là trung tâm thành phố, mạng lưới cấp nước chằng chịt, đan xen với các hệ thống ngầm của điện lực, cáp quang... nên các nhà thầu e ngại tham gia thi công các công trình cải tạo, thay thế các đoạn ống cũ, mục. Việc tiếp nhận các DMA từ nhà thầu Manila Water của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn trong thời điểm cuối năm 2014 (10/2014) mới trong giai đoạn đầu, đội ngũ quản lý kỹ thuật còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế.
- **Phát triển khách hàng:** Địa bàn Công ty quản lý đã bão hòa nên việc phát triển và tăng thêm khách hàng gặp không ít khó khăn. Số lượng khách hàng tăng thêm chủ yếu là tách hộ của các địa chỉ sử dụng tập thể hoặc phát triển thêm ống cấp 3 đến cuối nguồn các hẻm nhỏ.
- **Sản lượng:** Công ty cũng gặp không ít khó khăn do khách hàng vẫn còn sử dụng nước giếng khoan trong sinh hoạt hằng ngày. Điều này cũng là trở ngại trong việc tăng sản lượng sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn quận 1 và quận 3, khu vực trung tâm của thành phố.
- **Trình độ CB-CNV:** Lực lượng lao động có trình độ tốt nghiệp trung học chiếm 54,22% tổng số CB-CNV, có tuổi đời cao tuy có nhiều kinh nghiệm trong ngành cấp nước nhưng còn bị ảnh hưởng tư duy bao cấp, chưa chủ động, sáng tạo là một cản trở cho cách nghĩ, cách làm mới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Tổng quan ngành cấp nước

Theo số liệu được công bố trên Website của Hội cấp thoát nước Việt Nam (Vietnam Water Supply and Sewerage Association), Việt Nam hiện có khoảng 91 công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, chủ yếu cung cấp nước sạch cho các tỉnh ly. Về khía cạnh cấp nước, được đánh giá là một trong những mục tiêu phát triển thiên niên kỷ mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết, và lĩnh vực này luôn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội của Việt Nam. Thống kê cho thấy, tính chung cả năm 2016 chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,1% so với năm 2015, (Quý I tăng 6,2%; quý II tăng 7,5%; quý III tăng 7,4%; quý IV ước tính tăng 10%), trong đó ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Báo cáo về định hướng và giải pháp thực hiện sản xuất công nghiệp, thương mại 3 tháng cuối năm 2016, kế hoạch năm 2017 của Bộ Công Thương gửi các đơn vị thành viên mới đây dự báo, năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp sẽ tăng khoảng 8%.

Điềm qua về tình hình cấp nước ở Việt Nam, tính đến năm 2012, theo Báo cáo của Bộ Xây dựng, có gần 500 đô thị có hệ thống cấp nước tập trung (khoảng 200 đô thị loại V chưa có hệ thống cấp nước tập trung) với tổng công suất thiết kế khoảng 6,2 triệu m³/ngàn đồng, trong đó công suất khai thác khoảng 5,68 m³/ngàn đồng. Theo Quyết định số 729/QĐ-TTg về Phê duyệt Quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, nhu cầu sử dụng nước được dự báo sẽ tăng lên 3.570.000 m³/ngàn đồng, trong đó nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và công nghiệp lần lượt là 1.887.000 m³/ngàn đồng và 246.000 m³/ngàn đồng. Số còn lại được phân bổ cho nhu cầu sử dụng nước của các loại hình dịch vụ khác và lượng nước thất thoát ước tính.

7.2 Vị thế của Công ty trong ngành và so sánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Do đặc thù của ngành cung cấp nước sạch, mỗi một doanh nghiệp hoạt động cung cấp nước sạch trong một phạm vi địa lý nhất định. Cụ thể, Công ty hiện đang cung cấp nước sạch cho khu vực trung tâm nội thành là Quận 1 và Quận 3. Tại địa bàn hoạt động này, Công ty không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp. So với các đơn vị trong ngành nói chung, BTW là một trong những công ty cấp thoát nước có uy tín của trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị đầu tiên của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn hoàn thành tỷ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch từ tháng 7/2013 và tiếp tục được duy trì. Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Chi nhánh cấp nước Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM, cho nên mặc dù mới bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hạch toán độc lập từ 01/02/2007 và chỉ với ngành nghề kinh doanh truyền thống là cung cấp nước sạch trên việc khoán chi phí theo sản lượng nước cung cấp trong bối cảnh có nhiều nhân tố khó khăn cả về vật chất lẫn con người, nhưng Công ty đã làm ăn có lãi ngay từ những năm đầu tiên và lợi nhuận duy trì ổn định theo thời gian.

Với những nỗ lực tích cực của Ban lãnh đạo và tập thể CB-CNV trong các năm qua, các thành tích đã được khen thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành như sau:

* Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Văn bản
2014	Huân chương lao động hạng Ba	Quyết định số 206/QĐ-CTN ngày 15/01/2014 của Chủ tịch nước.
2010	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 22/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
2011	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 09/01/2012 của UBND TP.HCM.
2013	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND TP.HCM.
2015	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND TP.HCM.

Năm	Hình thức khen thưởng	Văn bản
2016	Bảng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND TP.HCM.

▪ **Điểm mạnh**

- Công ty là đơn vị đầu tiên của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn hoàn thành tỷ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch từ tháng 7/2013 và tiếp tục được duy trì. Vì vậy, gần như mạng lưới cấp nước trên địa bàn hoạt động đã được phủ kín. Chi phí để phát triển mạng sẽ không còn chiếm một tỷ trọng lớn như trước đây;
- Trong công tác kinh doanh và quản lý, Công ty đặc biệt có thế mạnh trong việc ứng dụng công nghệ khoa học vào thực tiễn. Ví dụ Công ty đã ứng dụng thành công phần mềm ArcGIS vào quản lý tài sản mạng lưới để cập nhật, quản lý thông tin, thuộc tính của từng chủng loại tài sản trên mạng lưới; Kênh tương tác qua website được Công ty chú trọng, qua đó các thông tin như tra cứu thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết để thu tiền qua ngân hàng, lịch trình đọc số, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng,... được tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn;
- Tập thể cán bộ công nhân viên qua đào tạo và có kinh nghiệm thực tiễn. Hầu hết tin tưởng vào Công ty, nội bộ đoàn kết thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tập thể công ty cổ phần cấp nước Bến Thành luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, không để xảy ra tình trạng thiếu nước làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội.
- Bộ máy quản lý có nhiều tâm huyết, các quy định, quy trình luôn được cải tiến để phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó tầm nhìn đặt ra đối với Công ty là dài hạn, vì vậy các chương trình như: xây dựng hệ thống báo cáo tập trung số liệu đọc số trên mạng theo diện rộng và chuyên sâu nhằm đáp ứng các mục tiêu quản lý và tổng hợp số liệu được nhanh chóng, chính xác,... luôn được chú trọng phát triển, phục vụ các mục tiêu quản lý lâu dài;
- Công ty có chú trọng việc phát triển và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công nhân viên. Viên chức, lao động thường xuyên được dự các lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham quan, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước. Đội ngũ các bộ quản lý, đội ngũ công nhân lao động được tổ chức luân chuyển nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động đối với những công tác được đánh giá trọng yếu.

▪ **Điểm yếu**

Mạng lưới đường ống cấp 3 đa phần là ống gang cũ lắp đặt từ thời Pháp thuộc chiếm tỷ lệ 50,40% tổng mạng lưới. Do đó tỷ lệ thất thoát nước khu vực này cao nhất so với các đơn vị cấp nước khác trong thành phố. Tỷ lệ thất thoát nước tại thời điểm Công ty được chuyển giao là 42,5%, cao hơn 9,15% so với nước bình quân toàn Tổng Công Ty.

Nhìn chung, tỷ lệ thất thoát nước của Công ty còn ở mức khá cao so với bình quân ngành có liên quan đến đặc thù khu vực quản lý của Công ty. Địa bàn hoạt động nằm ở Quận 1 và Quận 3, nên giấy phép đào đường để phục vụ cho công tác cải tạo gặp rất nhiều khó khăn. Hơn thế nữa, việc tiếp nhận các DMA từ nhà thầu Manila Water của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn trong thời điểm cuối năm 2014 (10/2014) mới trong giai đoạn đầu,

đội ngũ quản lý kỹ thuật còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế. Cụ thể hơn về vấn đề này, từ năm 2008, Tổng Công ty vay được tiền từ Ngân hàng thế giới (WB), đồng thời phối hợp với nhà thầu Manila Water (Philippines) để thực hiện các dự án giảm thất thoát nước trên địa bàn của một số đơn vị, trong đó có địa bàn hoạt động của BTW. Sau khi hoàn tất việc thực hiện Dự án này, tỷ lệ thất thoát nước khi Ban Quản lý Dự án Giảm thất thoát nước của Tổng Công ty bàn giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là 42,5%. Từ tháng 11/2014, Công ty bắt đầu chính thức thực hiện công tác giảm thất thoát nước (tự thực hiện một cách độc lập) với tỷ lệ ban đầu là 42,5% như đã nói trên. Rõ ràng với kinh nghiệm trong vấn đề tự thực hiện độc lập còn ít, nên giai đoạn đầu Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn để giải quyết mấu chốt lớn nhất thời điểm hiện tại là: Giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống để gia tăng biên lợi nhuận cho Công ty.

Đơn vị	Tỷ lệ TTN năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ TTN năm 2016	Tăng/giảm so với 2015
Công ty CPCN Bến Thành	38,28	31,00	35,22	-7,99%

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

▪ **Cơ hội:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định được xem là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành trong thời gian tới;
- Mô hình Công ty cổ phần sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế, xã hội;
- Bên cạnh đó, với lợi thế là Công ty cổ phần, Công ty sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động nhanh đặc biệt là khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay;
- Một số dự án một số cao ốc văn phòng có quy mô lớn trên địa bàn qua thời gian xây dựng, hòa thiện đưa vào sử dụng có sản lượng tiêu thụ lớn là một thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Khi hệ thống quản lý thất thoát nước đi vào hoạt động qua thời gian sẽ phát huy tác dụng sẽ là cơ hội rất lớn để biên lợi nhuận của Công ty được gia tăng.

▪ **Thách thức:**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty thuộc trung tâm thành phố, lượng khách hàng đã cố định và gần như bão hòa, do đó rất khó khăn trong việc phát triển mạng lưới, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng. Lượng khách hàng mới chủ yếu đến từ các cao ốc, văn phòng mới,... tuy nhiên tốc độ gia tăng sẽ giảm dần do yếu tố kinh tế theo quy mô;
- Mặc dù Công ty đã có những phương án nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước nhưng những nguyên nhân chủ quan đến từ bộ phận thi công công trình và sự xuống cấp của cơ sở hạ tầng đô thị do phát triển không đồng đều thì luôn hiện hữu.
- Giá bán nước sạch đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường.

- Việc thành phố tiếp tục thực hiện quy hoạch chỉnh trang đô thị, giải phóng mặt bằng ở những quy vực trung tâm, nhất là địa bàn nơi công ty phụ trách (Quận 1 và Quận 3) làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các khách hàng kinh doanh lĩnh vực thương mại, dịch vụ,...;
- Công tác đào đường để sửa chữa những vị trí bị hư hỏng diễn ra khó khăn do vị trí địa lý cố hữu của Công ty, từ đó gây bất lợi trong việc giảm tỷ lệ thất thoát nước;
- Xu hướng tiết kiệm chi tiêu, sử dụng giếng thay nước máy vẫn còn tồn tại;
- Kể từ tháng 11/2015 Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn chuyển việc mua bán sỉ nước sạch theo đồng hồ khách hàng sang mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng hoặc đồng hồ DMA đã được thiết lập. Cho nên thách thức từ Tỷ lệ thất thoát nước trên địa bàn sẽ có tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

✦ So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Tình hình tài chính các doanh nghiệp cùng ngành

Tên Công ty	Quy mô TTS (Tỷ đồng)	Quy mô VDL (Tỷ đồng)	Thanh toán hiện thời	Thanh toán nhanh	Nợ/TTS	Nợ/VCSH
CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân (PJS)	199,40	90,00	0,91	0,83	40,46%	67,96%
CTCP Cấp nước Thủ Đức (TDW)	380,98	85,00	0,64	0,54	65,72%	191,72%
CTCP Cấp nước Bến Thành (BTW)	195,85	93,60	1,41	1,22	28,26%	39,40%
CTCP Cấp nước Trung An (TAW)	135,14	50,00	1,63	1,42	58,09%	138,63%
CTCP Cấp nước Tân Hòa (THW)	78,46	50,00	2,48	1,38	34,92%	53,66%

Nguồn: BCTC bán niên soát xét 2017 của các doanh nghiệp

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cùng ngành

Tên Công ty	DTT (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/DTT (%)	LNST/VCSH (%)	LNST/TTS (%)	LNHB SXKD/DTT (%)	EPS (đồng)
CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân (PJS)	154,64	1,19	0,77%	0,98%	0,58%	0,38%	102
CTCP Cấp nước Thủ Đức (TDW)	338,08	9,68	2,86%	7,37%	2,59%	3,53%	1.139
CTCP Cấp nước Bến Thành (BTW)	217,97	7,16	3,29%	5,07%	3,62%	1,96%	765
CTCP Cấp nước Trung An (TAW)	53,34	0,88	1,65%	1,51%	0,45%	2,06%	176
CTCP Cấp nước Tân Hòa (THW)	56,62	0,61	1,07%	1,15%	0,51%	1,35%	122

Nguồn: BCTC bán niên soát xét 2017 của các doanh nghiệp

7.3 Triển vọng phát triển của ngành

Nước sạch là một mặt hàng thiết yếu, khi kinh tế càng phát triển thì nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Hơn nữa, các nguồn nước ngầm, nước bề mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do các công ty cấp nước cung cấp. Bên cạnh đó, các cao ốc, văn phòng,... tiếp tục gia tăng, cùng với sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và xu thế đi lên chung của nền kinh tế chắc chắn sẽ là động lực để kinh tế tổng thể các ngành nghề nói chung và ngành cấp nước nói riêng đón đầu phát triển.

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

- Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2020, mục tiêu đến năm 2025 đạt tỷ lệ bao phủ nước sạch 100% tại các đô thị; tỷ lệ thất thoát nước giảm xuống dưới 15%; dịch vụ nước ổn định, liên tục 24h trong ngày với áp lực nước trên toàn mạng đạt áp lực tiêu chuẩn.
- Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19/06/2012 về Phê duyệt Quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 của Thủ tướng chính phủ, qua đó đặt mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo an toàn cấp nước. Từng bước hiện đại hoá hệ thống sản xuất, quản lý và kinh doanh nước sạch. Mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2015 đạt 32%, đến năm 2025 đạt 25%.
- Căn cứ theo tình hình thực tế và tiềm năng phát triển to lớn của ngành, thời gian tới Công ty tập trung vào chiến lược là phát triển theo hướng bền vững, chất lượng, sử dụng công nghệ tiên tiến qua đó nâng cao chất lượng nước sạch, giảm tỷ lệ thất thoát nước và gia tăng sản lượng mỗi năm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn. Rõ ràng đây là một chiến lược phù hợp với xu hướng phát triển, các chính sách của nhà nước và triển vọng ngành trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng lao động trong Công ty

Tổng số lượng lao động trong Công ty tính tại thời điểm 30/06/2017 là 249 người với phân loại cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân theo trình độ chuyên môn		
Đại học	79	31,73
Cao đẳng	16	6,43
Trung cấp	31	12,45
Trên đại học	4	1,61
Trình độ khác	119	47,79

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân loại theo thời hạn hợp đồng		
Hợp đồng không xác định thời hạn	214	85,94
Hợp đồng có xác định thời hạn	35	14,06
Phân loại theo tính chất lao động		
Lao động trực tiếp	150	60,24
Lao động gián tiếp	99	39,76

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

8.2 Chính sách đối với người lao động

✚ Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần.
- Trường hợp do yêu cầu sản xuất, cần bố trí làm thêm giờ thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.

✚ Thời gian nghỉ làm việc, nghỉ giữa ca

- Người lao động làm việc 8 giờ/ngày trong điều kiện bình thường được nghỉ ít nhất 30 phút tính vào thời gian làm việc; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.
- Chế độ nghỉ việc riêng, ốm đau, thai sản... được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động.
- CBCNV Công ty và các đơn vị trực thuộc không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định.
- Nghỉ phép: người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 111 và 112 Bộ Luật lao động. Nếu số ngày đi đường kể cả lượt đi và về trên 2 ngày thì ngày thứ 3 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ phép năm và chỉ được tính cho 1 lần nghỉ trong năm. Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

✚ Thời gian nghỉ ngơi

- Công ty khuyến khích mọi hình thức nghỉ ngơi để động viên CBCNV nhân các ngày truyền thống, kỷ niệm của Công ty và đơn vị trực thuộc.

✚ Điều kiện làm việc

- Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

✦ **Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng như tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Đối với các chức danh quan trọng như cán bộ quản lý điều hành các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

✦ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Người lao động trong Công ty, tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

9. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT và sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Tỷ lệ chi trả cổ tức (Cổ tức/Vốn điều lệ) của công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/ vốn điều lệ)	Hình thức chi trả	Ghi chú
2013	13%	Tiền mặt	Đã chi trả
2014	11,5%	Tiền mặt	Đã chi trả
2015	6,5%	Tiền mặt	Đã chi trả
2016	7%	Tiền mặt	Đã chi trả

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn liên quan khác.

▪ *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

▪ *Khấu hao tài sản cố định*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
Phần mềm máy tính	05 năm

10.2 Thu nhập bình quân của người lao động

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty giai đoạn 2013-2016

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

Năm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Mức lương bình quân	9,860	10,010	10,725	11,255

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Mức lương bình quân của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2016 đạt trung bình so với một số doanh nghiệp cùng ngành trong địa bàn.

10.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

10.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định.

Số dư các khoản phải nộp nhà nước:

Đơn vị tính: Đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2015	31/12/2016	6 Tháng đầu năm 2017
Phí bảo vệ môi trường	3.641.421.004	3.395.655.210	3.339.564.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	563.278.350	852.435.421	1.083.222.579
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.276.389	-
Tổng cộng	4.204.699.354	4.322.367.020	4.422.787.006

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

▪ **Thu nhập ưu đãi thuế suất 5%:**

Thực hiện theo Công văn số 2481/CT-TTHT ngày 24/3/2016 của Cục Thuế Tp.HCM trả lời Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục II Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các điều luật Thuế TNDN;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được hưởng mức ưu đãi thuế cụ thể: thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm từ năm 2009 đến năm 2017.

10.5 Trích lập các quỹ

Tỷ lệ trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ:

Đơn vị tính: Đồng

Trích lập quỹ	31/12/2015	31/12/2016	6 Tháng đầu năm 2017
Quỹ đầu tư phát triển	37.819.492.618	38.175.128.352	39.727.979.027
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.206.193.161	2.051.748.489	2.295.848.147

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

10.6 Tổng dư nợ vay

Số dư các khoản mục nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017: Không có.

10.7 Tình hình công nợ hiện nay

✦ **Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản phải thu	31/12/2015	31/12/2016	6 Tháng đầu năm 2017
I	Phải thu ngắn hạn	10.337.377.478	11.192.137.854	16.913.599.307
1	Phải thu của khách hàng	6.681.129.878	6.446.141.781	10.099.263.408
2	Trả trước cho người bán	3.062.574.668	5.434.769.824	7.288.615.940
3	Các khoản phải thu khác	804.104.885	567.682.295	1.211.208.345
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(210.431.953)	(1.256.456.046)	(1.685.488.386)
II	Phải thu dài hạn	1.212.969.085	865.578.359	633.984.542
1	Phải thu dài hạn khác	1.212.969.085	1.212.969.085	1.212.969.085
2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(347.390.726)	(578.984.543)
	Tổng cộng	11.550.346.563	12.057.716.213	17.547.583.849

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Tại 30/06/2017, Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành có tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng: 10.099.263.408 đồng. Trong đó, phải thu ngắn hạn khó đòi và đã trích dự phòng phải thu khó đòi là 1.685.488.386 đồng, dự phòng phải thu dài hạn khó đòi: 578.984.543 đồng, cụ thể:

- Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng : 10.099.263.408 đồng gồm:
 - a/ Bên thứ ba: Phải thu khách hàng sử dụng nước : 9.888.582.415 đồng
 - Phải thu khách hàng Tiền nước : 8.407.094.080 đồng (*)
 - Phải thu khách hàng Phí BVMT : 834.745.297 đồng
 - Phải thu khách hàng Thuế : 418.258.887 đồng
 - Phải thu khách hàng Gắn ĐHN : 8.719.792 đồng
 - Phải thu khách hàng Nợ khó đòi : 218.427.145 đồng
 - Phải thu khác : 1.337.214 đồng

(*): Khoản Phải thu khách hàng Tiền nước bao gồm: khoản phải thu tiền nước của các khách hàng còn nợ và truy thu tiền nước theo Thanh tra Bộ tài chính năm 2015 (1.049.423.760 đồng); truy thu tiền nước bổ sung theo Kiểm toán nhà nước năm 2016 (730.491.960 đồng).

b/ Bên liên quan: Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV: 210.680.993 đồng

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 1.685.488.386 đồng gồm:
 - Truy thu tiền nước theo Thanh tra Bộ tài chính năm 2015: 734.596.632 đồng.

- Truy thu tiền nước bổ sung theo Kiểm toán nhà nước năm 2016: 219.147.588 đồng.
- Ngoài ra, BTW có tổng giá trị các khoản phải thu dài hạn khó đòi và đã trích dự phòng phải thu khó đòi là 731.744.166 đồng, đây là khoản dự phòng nợ tiền nước quá hạn (trích lập dự phòng theo tuổi nợ) phải thu tiền nước bị biến thủ không bao gồm dự phòng của Lê Trung Huy.
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Số tiền còn phải thu liên quan đến khoản biến thủ tiền thu nước của ông Lê Trung Huy được phát hiện vào tháng 7 năm 2013: 578.984.543 đồng.

✦ **Các khoản nợ phải trả**

Đơn vị tính: đồng

TT	Các khoản nợ phải trả	31/12/2015	31/12/2016	6 Tháng đầu năm 2017
I	Phải trả ngắn hạn	58.469.424.541	57.350.265.458	55.355.867.584
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0
2	Phải trả cho người bán	39.087.379.968	35.013.646.272	35.287.176.081
3	Người mua trả tiền trước	1.323.262.830	1.924.035.802	2.229.709.221
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.204.699.354	4.322.367.020	4.422.787.006
5	Phải trả người lao động	7.794.128.269	9.077.473.508	5.498.239.480
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.196.127.051	4.338.999.049	4.841.382.740
7	Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	657.633.908	621.995.318	780.724.909
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.206.193.161	2.051.748.489	2.295.848.147
II	Phải trả dài hạn	0	0	0
	Tổng cộng	58.469.424.541	57.350.265.458	55.355.867.584

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Tại ngày 30/06/2017, Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành có tổng giá trị khoản phải trả cho người bán ngắn hạn là 35.287.176.081 đồng gồm:

- Phải trả nhà thầu xây dựng cơ bản: 969.939.722 đồng
 - CTCP Xây dựng Minh Trang: 52.850.014 đồng
 - CTCP Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt: 120.759.681 đồng
 - CT TNHH SX TM Tấn Trường: 261.255.825 đồng
 - Nhà thầu xây dựng khác: 535.074.202 đồng
- Phải trả nhà thầu cung cấp vật tư: 5.846.514.543 đồng
 - Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ: 3.655.809.870 đồng
 - CT TNHH Phạm Lâm: 492.129.000 đồng
 - CT TNHH Thiệt bị Hải Ngoại: 813.450.000 đồng
 - Nhà thầu cung cấp vật tư khác: 885.125.673 đồng

- Phải trả nhà thầu cung cấp nước sạch Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV: 28.356.281.394 đồng.

10.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn /Nợ ngắn hạn)	Lần	1,37	1,58
2	Hệ số thanh toán nhanh $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	1,22	1,39
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	29,58	28,72
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42	40,29
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	Lần	34,90	31,99
2	Vòng quay tổng tài sản $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$	Lần	2,03	2,19
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$	%	1,94	2,43
2	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$	%	5,6	7,52
3	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$	%	3,94	5,33
4	$\frac{\text{Lợi nhuận từ HĐKD}}{\text{Doanh thu thuần}}$	%	2,31	2,83

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Cấp nước Bến Thành.

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

11.1 Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

STT		Họ Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Bà	Phạm Thị Thanh Vân	1968	031168002914	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông	Trần Quang Minh	1970	022994831	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông	Nguyễn Thành Phúc	1964	022366277	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Bà	Nguyễn Thanh Tùng	1966	096066000016	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông	Tạ Chương Lâm	1979	211696742	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông	Huỳnh Đức Thành	1977	023110106	Thành viên Hội đồng quản trị
BAN KIỂM SOÁT					
1	Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	1972	022541647	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà	Phạm Thị Phương Linh	1983	023688206	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông	Nguyễn Xuân Trình	1960	020850981	Thành viên Ban kiểm soát
BAN GIÁM ĐỐC					
1	Ông	Nguyễn Thành Phúc	1964	022366277	Giám đốc
2	Ông	Phạm Hồng Thắng	1974	022790557	Phó Giám đốc
3	Ông	Nguyễn Mười	1973	025353819	Phó Giám đốc
KẾ TOÁN TRƯỞNG					
1	Ông	Nguyễn Hữu Cường	1971	023841418	Kế toán trưởng

11.2 Sơ yếu lý lịch**❖ Hội đồng quản trị****a. Bà Phạm Thị Thanh Vân – Chủ tịch Hội đồng quản trị**1. Họ và tên: **PHẠM THỊ THANH VÂN**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 17/03/1968

4. Nơi sinh: Hải Phòng

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 48/2 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM

7. CMND số: 031168002914

Ngày cấp: 07/3/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

8. Điện thoại liên hệ: 090 394 8690

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán	Trường Đại học Tài chính kế toán TP.HCM
Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1991 - 07/2000	Công ty Cấp nước Tp.HCM	Nhân viên kế toán, Phòng Kế toán - Tài chính
08/2000 – 08/2004	Công ty Cấp nước Tp.HCM	Phó trưởng Phòng Kế toán - Tài chính
08/2004 – 01/2007	Chi nhánh Cấp nước Bến Thành	Trưởng ban Kế toán – Tài chính
02/2007 – 05/2013	CTCP Cấp nước Bến Thành	Kế toán trưởng
05/2013 – 04/2017	CTCP Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
04/2017 đến nay	CTCP Cấp nước Bến Thành	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phiếu, tương đương 0,015% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: Đại diện cho Tổ chức (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) 1.658.000 cổ phiếu, tương đương 17,71% vốn điều lệ;
- Sở hữu của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/ ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % /Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Người đại diện vốn góp	4106000102	4.974.700	53,15%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT: 3.500.000 đồng/ tháng, tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

b. Trần Quang Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **TRẦN QUANG MINH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/9/1970
4. Nơi sinh: Cao Miên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 24/6B Trần Ngọc Diện, P.Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
7. CMND số: 022994831 Nơi cấp: CA TP.HCM Ngày cấp: 05/01/2015
8. Điện thoại liên hệ: 090 338 1653
9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư	Kỹ thuật công nghiệp	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
Kỹ sư	Cấp thoát nước	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Cử nhân	Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Học viện Báo chí và Tuyên truyền

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Phó Tổng Giám đốc
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Thành viên HĐQT

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 - 1999	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Vật tư thuộc Công ty Cấp nước TP.HCM	Nhân viên
1999 - 2002	Phòng Kỹ thuật thuộc Công ty Cấp nước TP.HCM	Nhân viên
2002 – 12/2004	Ban Quản lý dự án hệ thống cấp nước sông Sài Gòn giai đoạn 1 Thuộc Công ty Cấp nước TP.HCM	Nhân viên
12/2004 – 10/2006	Ban Quản lý dự án hệ thống cấp nước sông Sài Gòn giai đoạn 1 thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Phó Giám đốc
11/2006 – 12/2010	Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Phó Giám đốc
01/2011 – 11/2014	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Phó Giám đốc
12/2014 - 12/2016	Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Giám đốc
12/2016 đến nay	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Phó Tổng Giám đốc
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT
06/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: Đại diện cho Tổ chức (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) 1.658.700 cổ phiếu, tương đương 17,72% vốn điều lệ;
- Sở hữu của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/ ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Người đại diện vốn góp, Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.	4106000102	4.974.700	53,15%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT
3.500.000 đồng/ tháng.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

c. Ông Nguyễn Thành Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **NGUYỄN THÀNH PHÚC**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 20/5/1964

4. Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 611/57E Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận
3. TP.HCM

7. CMND số: 022366277 Nơi cấp: CA TP.HCM Ngày cấp: 01/09/2010

8. Điện thoại liên hệ: 0913 926 614

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kinh tế	Đại học Kinh tế
Cử nhân	Luật	Đại học Luật
Cử nhân	Chính trị	Học viện Chính trị Quốc Gia

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT, Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1982 – 10/1985	Ban Kế hoạch Huyện Duyên Hải	Cán sự
10/1985 – 05/1993	Phòng KHTK Huyện Cần Giờ	Tổ trưởng, Phó phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1993 – 11/2003	Xí nghiệp CTGT Đô thị Cần Giờ	P.Giám đốc, Giám đốc, Bí thư
1999 – 2004	HDND Huyện Cần Giờ Khóa 10	Đại biểu
11/2003 – 12/2004	CT Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ	Giám đốc, Bí thư
01/2005 – 03/2005	Chi nhánh Cấp nước Gia Định	Phó giám đốc thường trực
03/2005 – 02/2007	Chi nhánh Cấp nước Gia Định	Giám đốc
02/2007 – 2012	Công ty CP Cấp nước Gia Định	Thành viên HĐQT, Giám đốc
04/2012 - Nay	Công ty CP Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: Đại diện cho Tổ chức (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) 1.658.000 cổ phiếu, tương đương 17,71% vốn điều lệ;
- Sở hữu của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/ Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Người đại diện vốn góp	4106000102	4.974.700	53,15%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT: 3.500.000 đồng/ tháng, tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

d. Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÙNG**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 12/12/1966

4. Nơi sinh: Cà Mau

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 5 Lô C KP1, Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM
7. Căn cước công dân số: 096066000016 Ngày cấp: 22/8/2016
Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên hệ: 0919 703 399
9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Tài chính Ngân hàng	Trường Đại học Ngân hàng
Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Thành viên HĐQT
3	Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định	Thành viên HĐQT
4	Công ty cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Thành viên HĐQT

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989 – 12/1996	Ngân hàng Công thương Minh Hải	Cán bộ tín dụng
01/1997 – 10/1998	Ngân hàng Công thương Cà Mau	Trưởng PGD Tấn Văn
11/1998 – 02/2006	Ngân hàng Công thương Cà Mau	Trưởng phòng tín dụng
03/2006 – 11/2006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Trưởng phòng khách hàng số 1
12/2006 – 01/2010	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Phó Giám đốc
02/2010 – 02/2011	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Phó Giám đốc phụ trách
03/2011 – 10/2012	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Giám đốc
11/2012 – 12/2012	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Phó giám đốc thường trực
01/2013 – 08/2015	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2015 – 12/2015	Ngân hàng TMCP Đông Á	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
01/2016 đến nay	Ngân hàng TMCP Đông Á	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT
04/2016 đến nay	Công ty CP Cấp nước Nhà Bè	Thành viên HĐQT
04/2016 đến nay	Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	Thành viên HĐQT
04/2017 đến nay	Công ty CP Cấp nước Gia Định	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: Đại diện cho Tổ chức (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á): 936.000 cổ phiếu, tương đương 10,00% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	CMND/ ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/ Vốn điều lệ
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0301442379	936.000	10,00%

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT 3.500.000 đồng/ tháng

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

e. Ông Tạ Chương Lâm – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **TẠ CHƯƠNG LÂM**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 01/01/1979

4. Nơi sinh: Phường Nhơn Hưng, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu phố Hòa Cư, Phường Nhơn Hưng, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

7. CMND số: 211696742 Nơi cấp: Bình Định Ngày cấp: 15/01/2015

8. Điện thoại liên hệ: 0908 454 2016

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Luật	Trường Đại học Luật TP.HCM
Thạc sĩ	Luật	Trường Đại học Luật TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chánh văn phòng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2007 – 05/2009	Ngân hàng TMCP Đông Á	Nhân viên pháp chế - Phòng Pháp chế
05/2009 – 12/2010	Ngân hàng TMCP Đông Á	Nhân viên Ban Thường trực Hội đồng tín dụng
12/2010 – 07/2015	Ngân hàng TMCP Đông Á	Chuyên viên tư vấn pháp lý - Phòng Pháp chế
08/2015 – 10/2015	Ngân hàng TMCP Đông Á	Phó Phòng Pháp chế
11/2015 đến nay	Ngân hàng TMCP Đông Á	Chánh Văn phòng
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT 3.500.000 đồng/ tháng.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

f. Ông Huỳnh Đức Thành – Thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ và tên: **HUỲNH ĐỨC THÀNH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 03/8/1977
4. Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 817^w1 Đoàn Văn Bơ, Phường 10, Quận 4, TP.HCM
7. CMND số: 023110106 Nơi cấp: CA TP.HCM Ngày cấp: 06/05/2006
8. Điện thoại liên hệ: 0903872009
9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Luật	Trường Đại học Luật TP.HCM
Cử nhân	Ngữ văn Anh	Trường Đại học KIIXH&NV

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2000 – 11/2006	Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại 2	Nhân viên Phòng Kế toán – Quản trị
12/2006 – 12/2009	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính, Thư ký HĐQT
01/2010 – 11/2015	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Phó trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Thư ký HĐQT
12/2015 – 04/2017	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Thư ký HĐQT
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT: 3.500.000 đồng/ tháng, tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ *Ban kiểm soát*

a. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 05/09/1972

4. Nơi sinh: Hải Phòng

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 34 Đường số 1, QL 13, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP.HCM

7. CMNN số: 022541647 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 03/11/2005

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 54 035 629 - Di động: 0984 709 372

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Tài chính – Kế toán	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1995 - 03/1996	Công ty Cấp nước TP.HCM	Nhân viên Ban khai thác ngoại tệ
03/1996 - 03/2002	Chi nhánh Cấp nước Sài Gòn	Nhân viên Đội Thu tiền
03/2002 - 10/2006	Chi nhánh Cấp nước Sài Gòn	Thủ Quỹ
10/2006 - 05/2013	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Chuyên viên Kế toán - P.KT-TC
05/2013 - 03/2014	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Phó Trưởng phòng KT-TC
03/2014 - 04/2017	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Phó Đội trưởng Đội Thu tiền
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Trưởng Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu, tương đương 0,011% vốn điều lệ;
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ;
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

b. Bà Phạm Thị Phương Linh – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 27/07/1983

4. Nơi sinh: TP.HCM

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 0201 Lô C, C/cư Ngô Tất Tố, Phường 19, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

7. CMND số: 023688206 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 20/02/2014

8. Điện thoại liên hệ: 0989111851

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán kiểm toán	Trường Đại học kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	Phó phòng Kế toán
2	Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Thành viên Ban kiểm soát
3	Công ty cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Thành viên Ban kiểm soát

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2005 - 06/2007	Ngân hàng TMCP Đông Á	Giao dịch viên
07/2007 – 07/2009	Ngân hàng TMCP Đông Á	Kế toán tổng hợp
07/2009 – 08/2014	Ngân hàng TMCP Đông Á	Phó Giám đốc Trung tâm thẻ
08/2014 đến nay	Ngân hàng TMCP Đông Á	Phó Phòng Kế toán Hội sở
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên BKS
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Thành viên BKS
04/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Thành viên BKS

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao thành viên BKS 2.000.000 đồng/ tháng

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

c. Ông Nguyễn Xuân Trình – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: **NGUYỄN XUÂN TRÌNH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 22/12/1960

4. Nơi sinh: TP.HCM

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 159/34 Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

7. CMND số: 020850981 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 19/07/2006

8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng: 0909 977 518

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Kỹ sư cơ khí	Ô tô máy kéo	Đại học Bách khoa TP.HCM
Cử nhân kinh tế	Tài chính doanh nghiệp	Đại học Kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 - 1994	Liên đoàn địa chất 6 TP.HCM	Nhân viên
1994 đến nay	Phòng kế toán Tài chính – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Nhân viên
01/02/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Thành viên BKS

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao thành viên Ban kiểm soát 2.000.000 đồng/ tháng

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Ban Giám đốc**

a. Ông Nguyễn Thành Phúc – Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở Mục 12.2 Phần Hội đồng quản trị)

b. Ông Phạm Hồng Thắng – Phó Giám đốc

1. Họ và tên: **PHẠM HỒNG THẮNG**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 14/11/1974

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 412/7 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

7. CMND số: 022790557 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 27/05/2002

8. Điện thoại liên hệ: 0902 996 372

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Thạc sĩ	Quản lý đô thị	Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM
Kỹ sư	Cấp thoát nước	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
Kỹ sư	Xây dựng	Đại học Bách khoa TP.HCM
Cử nhân	Quản lý Công nghiệp	Đại học Bách khoa TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1997 – 12/2004	Công ty Cấp nước TP. HCM	Nhân viên
01/2005 – 06/2006	Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức	Trưởng Ban Quản lý dự án
06/2006 – 04/2010	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Phó Giám đốc
05/2010 – 10/2014	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án ADB
11/2014 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

c. Ông Nguyễn Mười – Phó Giám đốc1. Họ và tên: **NGUYỄN MƯỜI**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 30/10/1973

4. Nơi sinh: Nghệ An

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 10/9 KP4, 14A, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM

7. CMND số: 025353819 Nơi cấp: CÁ. TP.HCM Ngày cấp: 06/03/2013

8. Điện thoại liên hệ: 0913744499

9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 10/2005	Công ty Cấp nước Tp.HCM	Nhân viên thanh tra, Phòng Thanh tra pháp chế
11/2005 – 08/2007	Chi nhánh Cấp nước Bến Thành	Tổ trưởng Tổ Mã hóa, Ban Kiểm tra – Kiểm soát
03/2011 – 04/2011	CTCP Cấp nước Bến Thành	Tổ trưởng Tổ Mã hóa, Phòng Thương vụ
04/2011 – 07/2013	CTCP Cấp nước Bến Thành	Phó trưởng Phòng Thương vụ
08/2013 - 06/2016	CTCP Cấp nước Bến Thành	Trưởng Phòng Thương vụ
07/2016 - 04/2017	CTCP Cấp nước Bến Thành	Trưởng Phòng Kế hoạch – Vật tư
04/2017 đến nay	CTCP Cấp nước Bến Thành	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
- 15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương và phụ cấp lương.
- 17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ *Kế toán trưởng*

Ông Nguyễn Hữu Cường – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: **NGUYỄN HỮU CƯỜNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 09/08/1971
4. Nơi sinh: Phú Thọ
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 45/46A Trần Thái Tông, Phường 15, Quận Tân Bình, TP.HCM
7. CMND số: 023841418 Nơi cấp: CA. TP.HCM Ngày cấp: 11/08/2015
8. Điện thoại liên hệ: 0906 359 330
9. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Kế toán tài chính	Trường Đại học kinh tế TP.HCM

10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng, Trưởng Phòng KT-TC Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 - 1995	TECBEST	Tổ trưởng phân xưởng
06/1996 – 04/2003	Công ty Liên doanh sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Tổ trưởng Tổ Sản xuất
05/2003 – 12/2003	Chi nhánh Cấp nước Bến Thành	Công nhân thu tiền, Đội Thu tiền
01/2004 – 12/2007	Chi nhánh Cấp nước Bến Thành	Chuyên viên Kế toán P. KT-TC
01/2008 – 04/2013	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Phó trưởng Phòng KT-TC

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Kế toán trưởng Công ty, Trưởng Phòng KT-TC

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phiếu, tương đương 0,016% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Tiền lương và phụ cấp lương.

17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính 6 Tháng đầu năm 2017 đã qua soát xét của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016			30/06/2017		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	174.029.303.803	85.586.605.145	49,18	185.800.330.692	90.408.895.861	48,66
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.842.656.054	1.368.392.647	35,61	3.842.656.054	1.234.623.187	32,13
1.2	Máy móc và thiết bị	7.460.943.109	3.566.727.090	47,81	8.043.783.109	3.416.510.683	42,47
1.3	Phương tiện vận tải	156.234.797.750	77.480.549.080	49,59	167.175.834.639	82.997.180.016	49,65
1.4	Thiết bị quản lý	6.490.906.890	3.170.936.328	48,85	6.738.056.890	2.760.581.975	40,97
2	Tài sản cố định vô hình	2.510.423.520	1.438.304.708	57,29	2.510.423.520	1.097.527.460	43,72
2.1	Phần mềm Quản lý	2.510.423.520	1.438.304.708	57,29	2.510.423.520	1.097.527.460	43,72
	Tổng cộng	176.539.727.323	87.024.909.853	49,29	188.310.754.212	91.506.423.321	48,57

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Chi tiết tài khoản Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
1	Mua sắm tài sản	197.700.000	448.910.000	
2	Xây dựng cơ bản dở dang	10.000.067.744	8.951.886.618	12.291.930.673
2.1	Cài tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước	4.514.037.966	3.033.760.084	3.136.773.551
2.2	Cài tạo, thay thế tuyến ống cấp nước	2.874.255.262	2.923.587.724	4.702.045.059
2.3	Phát triển mạng lưới hệ thống cấp nước	2.611.774.516	2.994.538.810	4.453.112.063
3	Sửa chữa lớn TSCĐ	4.089.046.541	9.141.928.977	11.318.780.030
	Tổng cộng	14.286.814.285	18.542.725.595	23.610.710.703

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

Các tài sản là đất đai, bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của Công ty:

Số TT	Khu đất đang sử dụng	Hiện trạng sử dụng thực tế (m2)	Số tờ, số thửa đất	Pháp lý sử dụng đất (số VB; ngày, tháng, năm; cq ban hành)			Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Đã nộp tiền sử dụng đất đến năm	Ghi chú
				Quyết định	Hợp đồng thuê đất	GCN quyền sử dụng đất				
1	194 Pasteur, P.6, Q.3	973,8 (gồm 256,3 m ² phạm lộ giới và 717,5 m ² không nằm trong lộ giới)	Thửa đất số 18, Tờ bản đồ số 5 BDC P.6, Q.3	218/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND TP.HCM	4765/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 09/7/2015 ký kết giữa Công ty và Sở Tài Nguyên và Môi trường	CT46319 ngày 13/7/2015 của Sở Tài Nguyên và Môi trường	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Đến ngày 08/01/2057 (50 năm)	Đợt 2/2017 Tổng số tiền thuê đất năm 2017 = 1.972.529.280 đồng.	Trụ sở làm việc
2	166/5/10 B Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3	68,1 (gồm 6,9 m ² phạm lộ giới và 61,2 m ² không nằm trong lộ giới)	Thửa đất số 11, Tờ bản đồ số 18	622/QĐ-UBND ngày 18/02/2009 của UBND TP.HCM	4660/HĐ-TNMT-QKKTĐ ngày 01/7/2009 ký kết giữa Công ty và Sở Tài Nguyên và Môi trường; Và Phụ lục HĐ số 1566/PLHĐ-TNMT-VPĐK ngày 22/3/2012	CT12029 ngày 14/02/2012 của Sở Tài Nguyên và Môi trường	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Đến ngày 17/02/2058 (50 năm)	Đợt 1/2017 Tổng số tiền thuê đất năm 2017 = 12.135.420 đồng.	Công trình Thủy đài lô A phục vụ cung cấp nước cho các hộ dân xung quanh
3	575/46A Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3	77	Thửa đất số 3,4, Tờ bản đồ số 11	601/QĐ-UBND ngày 16/02/2009 của UBND TP.HCM	4659/HĐ-TNMT-QKKTĐ ngày 01/7/2009 ký kết giữa Công ty và Sở Tài Nguyên và Môi trường	CT08479 ngày 12/10/2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Đến ngày 15/02/2058 (50 năm)	Đợt 1/2017 Tổng số tiền thuê đất năm 2017 = 13.721.400 đồng.	Công trình Thủy đài lô H phục vụ cung cấp nước cho các hộ dân xung quanh

Số TT	Khu đất đang sử dụng	Hiện trạng sử dụng thực tế (m2)	Số tờ, số thửa đất	Pháp lý sử dụng đất (số VB; ngày, tháng, năm; cq ban hành)			Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Đã nộp tiền sử dụng đất đến năm	Ghi chú
				Quyết định	Hợp đồng thuê đất	GCN quyền sử dụng đất				
4	01 Hoàng Diệu, P.13, Q.4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã ký kết Biên bản thoả thuận ngày 31/12/2007 và Phụ lục Biên bản thoả thuận ngày 05/3/2012 về việc hoán đổi sử dụng mặt bằng theo đó Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV sử dụng một phần lầu 3 và toàn bộ tầng 4, 5 của toà nhà 194 Pasteur, Q.3 làm văn phòng và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành sử dụng toàn bộ khuôn viên Thủy đài số 01 Hoàng Diệu, Q.4 làm văn phòng, kho bãi vật tư và bãi tập kết xe.								
5	601 Cách mạng tháng 8, P.15, Q.10	Mặt bằng nhà giếng địa chỉ số 89 Bà Huyện Thanh Quan, P.7, Q.3 được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành sử dụng từ ngày 30/5/2014 để phục vụ cho công tác cấp nước an toàn, Công ty đã phối hợp với Tổng Công ty bàn giao lại cho Chùa Phật học Xá Lợi vào ngày 18/11/2015 theo quyết định của UBND TP. HCM. Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã nhận bàn giao tạm từ Văn phòng Tổng Công ty mặt bằng tại địa chỉ 601 CMT8, P. 15, Q. 10 để làm địa điểm phục vụ cấp nước an toàn thay cho mặt bằng 89 Bà Huyện Thanh Quan đã bàn giao nói trên. Hiện Công ty đang chờ làm thủ tục nhận bàn giao chính thức từ Tổng Công ty đối với mặt bằng trên.								

Ghi chú: (*) Diện tích đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

(**) Thời gian sử dụng căn cứ vào Hợp Đồng thuê đất Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017**13.1 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu tài chính sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018 (*)	
		Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2016	Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	434.754	438.218	0,80%	-	-
Lợi nhuận sau thuế	10.583	11.586	9,48%	-	-
Vốn điều lệ	93.600	93.600	-	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,43%	2,64%	-	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	11,31%	12,38%	-	-	-
Cổ tức	7%	7%	-	-	-

*Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của BTW
(*): Công ty chưa xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018.*

13.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được lập dựa trên những chiến lược Công ty xây dựng để phát triển hoạt động kinh doanh, điều kiện hoạt động thực tế của Công ty và tình hình thị trường kinh doanh tại thời điểm lập kế hoạch:

➤ Nhiệm vụ trọng tâm

Thứ nhất, triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, trong đó tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp nước trên bàn, tất cả nhu cầu cấp nước đều được đáp ứng, đảm bảo Công ty phát triển theo đúng định hướng.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn; tập trung mọi nguồn lực để thực hiện công tác giảm thất thoát nước từ 35% hiện nay xuống 30% theo kế hoạch, đồng thời phấn đấu hướng đến mục tiêu giảm thất thoát nước còn 28% trong năm 2020 Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; phát triển các tiện ích cho khách hàng trong lĩnh vực quản lý chỉ số nước tiêu thụ, thanh toán tiền nước, khắc phục sự cố xi bê.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đầu tư phát triển nguồn nhân lực và quy hoạch nguồn cán bộ của Công ty; củng cố và phát triển hoạt động tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả tạo ra các giá trị bền vững cho Công ty.

➤ Giải pháp chủ yếu:

Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp giảm nước không doanh thu như dò bể - sửa bể, kiểm tra bít huỷ tận gốc các đoạn ống không còn sử dụng; cải tạo ống mục chống thất thoát nước, đặc biệt là các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao; kiểm soát lưu lượng và áp lực nguồn; sử dụng các vật tư có chất lượng cao; ứng dụng đồng hồ nước thông minh; nâng cao vai trò của nhân viên giám sát kỹ thuật; đào tạo và tái đào tạo đội ngũ caretaker nhằm nâng cao năng lực quản lý,...

Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng, phát triển, cải tạo nâng cấp, sửa chữa thay thế các tuyến ống cũ mục trọng điểm, trên cơ sở cân đối nguồn vốn kinh doanh, phương án vay vốn để chống thất thoát nước, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay; thực hiện so sánh tỷ lệ thất thoát nước từng đồng hồ nước khu vực (DMZ), DMA trước và sau khi thi công cải tạo. Đảm bảo chất lượng công trình từ khâu khảo sát, thiết kế đến thi công, nghiệm thu.

Nghiên cứu và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng, phát triển, cải tạo nâng cấp, sửa chữa thay thế các tuyến ống cũ mục trọng điểm, trên cơ sở cân đối nguồn vốn kinh doanh, phương án vay vốn để chống thất thoát nước, đồng thời từng bước đồng bộ vật tư, thiết bị sử dụng trên toàn hệ thống.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài sản mạng lưới cấp nước, cập nhật 100% bản vẽ hoàn công các công trình trên mạng lưới cấp nước và vị trí, danh bộ, thông tin khách hàng, đảm bảo truy xuất khi cần; kết nối dữ liệu online từ các đồng hồ tổng để đồng bộ hóa trên nền GIS.

Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước thường xuyên cập nhật dữ liệu khách hàng, tiếp nhận và giải quyết nhu cầu dùng nước của khách hàng trên địa bàn; ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại trong lĩnh vực biên đọc và xử lý dữ liệu đồng hồ nước của khách hàng, thông tin một cách nhanh chóng, chính xác lượng nước tiêu thụ, tiền nước phải trả; mở rộng nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; rà soát và ban hành các quy định quản lý, cải tiến thủ tục hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, giải quyết nhanh yêu cầu của khách hàng

Tiếp cận, khai thác nhu cầu sử dụng nước của các khách hàng tiềm năng (có nhu cầu sử dụng lớn và lâu dài) khuyến khích khách hàng sử dụng nước máy thay cho nước giếng và áp dụng giá nước linh hoạt; kịp thời tư vấn, hỗ trợ đổi cỡ và gắn mới đồng hồ nước khi khách hàng có yêu cầu thay đổi quy mô sử dụng nước nhằm gia tăng sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu.

Theo dõi chặt chẽ tình trạng sử dụng nước của khách hàng để kịp thời điều chỉnh định mức tiêu thụ nước, áp dụng đúng giá biểu nhằm nâng cao hiệu quả về doanh thu; thường xuyên kiểm tra công tác đọc số tại những nơi có biến động sản lượng, những nơi tiêu thụ nước nhiều để kịp thời phát hiện xử lý.

Nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, lao động làm công tác quản lý thông qua việc cử cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lao động dự các lớp tập huấn, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham quan, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước.

Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước (DMA) nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, báo cáo định kỳ theo quy định đối với công ty đại chúng; thực hiện chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo minh bạch tình hình hoạt động của Công ty.

Xây dựng nền tài chính doanh nghiệp lành mạnh. Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận.

Tính đến ngày 30/06/2017, doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đạt 217.971.888.139 đồng đạt 49,74% kế hoạch năm 2017, lợi nhuận sau thuế là 7.164.406.960 đồng đạt 61,84% kế hoạch. Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành phân đầu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 đồng thời đề ra mục tiêu và định hướng sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2017 như sau:

- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, phát triển khách hàng đảm bảo chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Tập trung thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước và giá bán bình quân của Công ty, hoàn thành chỉ tiêu năm 2017; đảm bảo tỷ lệ thực thu đương niên đạt 100%.
- Quản lý chặt chẽ hóa đơn và công tác thu nộp tiền nước, phân đầu tỷ trọng thu tiền nước bằng các hình thức không dùng tiền mặt trên 55%.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tập trung đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc của nguồn nhân lực.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, cùng với việc phân tích thị trường, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành dự kiến trong năm 2017 là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được và những yếu tố bất khả kháng khác, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư, dựa trên cơ sở các thông tin thu thập được. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 9.360.000 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ - CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, quy định: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Theo đó, Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng (cổ phần)	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 12 tháng (cổ phần)
I. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng				
1	Phạm Thị Thanh Vân	Chủ tịch HĐQT	1.400	700
2	Trần Quang Minh	Thành viên HĐQT	0	0
3	Nguyễn Thành Phúc	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	0	0
4	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0
5	Tạ Chương Lâm	Thành viên HĐQT	0	0
6	Huỳnh Đức Thành	Thành viên HĐQT	0	0
7	Phạm Hồng Thắng	Phó Giám đốc	0	0
8	Nguyễn Mười	Phó Giám đốc	0	0

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng (cổ phần)	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong 12 tháng (cổ phần)
9	Nguyễn Hữu Cường	Kế toán trưởng	1.500	750
II. Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng BKS	1.000	500
2	Phạm Thị Phương Linh	Thành viên BKS	0	0
3	Nguyễn Xuân Trinh	Thành viên BKS	0	0
III. Cổ đông lớn là người có liên quan với HĐQT, BGD, KTT				
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	Cổ đông lớn	4.974.700	2.487.350
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	Cổ đông lớn	936.000	468.000
	Tổng		5.914.600	2.957.300

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

5. Phương pháp tính giá

Để xác định giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, DAS sẽ sử dụng các phương pháp tính giá: (1) xác định theo giá trị sổ sách (2) phương pháp so sánh theo P/E và (3) phương pháp so sánh theo P/B.

BV: Được tính bằng tổng giá trị tài sản của công ty trừ đi khoản nợ phải trả bao gồm cả cổ phiếu ưu đãi, tương đương với phần vốn chủ sở hữu chia cho tổng số cổ phần đang lưu hành. Giá trị sách cho biết giá trị tài sản công ty còn lại thực sự là bao nhiêu nếu ngay lập tức công ty rút lui khỏi kinh doanh. Giá trị sổ sách là một thước đo chính xác giá trị kế toán của công ty, là yếu tố không biến đổi quá nhanh, tương đối ổn định, nên nó là số liệu thích hợp để phân tích cho các nhà đầu tư dài hạn.

P/E: Là tỉ số giữa thị giá và thu nhập trên mỗi cổ phần phổ thông của một công ty có phát hành cổ phiếu trong một kỳ tính toán (thường là một năm). Hệ số P/E, về mặt lý thuyết, cho biết số tiền mà các nhà đầu tư sẵn sàng bỏ ra trả cho một đơn vị thu nhập trên một cổ phiếu đã/ sẽ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định.

P/B: Là tỉ số giữa thị giá và giá trị sổ sách của mỗi cổ phần phổ thông của một công ty có phát hành cổ phiếu trong một kỳ tính toán (thường là một năm). Hệ số P/B có liên quan đến chỉ tiêu "giá trị sổ sách của cổ phiếu" – cho biết giá trị mà các nhà đầu tư sẵn sàng bỏ ra cho một đơn vị giá trị có khả năng nhận được trong trường hợp công ty bị phá sản và các tài sản được thanh lý.

❖ Chi tiết các phương pháp được trình bày cụ thể như sau :

(1) Phương pháp giá trị sổ sách (BV)

$$\text{Giá sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của CTCP Cấp nước Bến Thành tại 31/12/2016 và 30/06/2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	30/06/2017
Vốn chủ sở hữu	142.357.979.027	140.492.385.987
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	9.360.000	9.360.000
Giá sổ sách	15.209	15.010

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét 2017 của CTCP Cấp nước Bến Thành

(2) Phương pháp so sánh theo P/E với các công ty cùng ngành

Giá cổ phiếu BTW được tính theo công thức sau :

$$P = \text{EPS} \times (\text{P/E})_{\text{BQ}}$$

Trong đó :

- P : Giá cổ phiếu BTW theo phương pháp P/E
- EPS : Thu nhập bình quân trên một cổ phiếu của BTW
- $(\text{P/E})_{\text{BQ}}$: là giá giao dịch trên thị trường chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành.

(3) Phương pháp so sánh theo P/B với các công ty cùng ngành

Giá trị cổ phiếu BTW được tính theo công thức sau :

$$P = \text{BV} \times (\text{P/BV})_{\text{BQ}}$$

Trong đó :

- P : Giá cổ phiếu BTW theo phương pháp P/B

- BV : Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của BTW
- $(P/BV)_{BQ}$: là giá giao dịch trên thị trường chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành.

❖ **Nguồn số liệu thu thập:**

- Báo cáo tài chính theo quý/ năm của các công ty có liên quan tại website chính thức của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM;
- Giá giao dịch trên thị trường được lấy từ website chính thức của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
- Công ty dùng để so sánh là những Công ty có hoạt động kinh doanh dịch vụ trong ngành cấp nước... tương đồng với Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

❖ **Tổng hợp kết quả :**

- Các phương pháp P/E, P/B bình quân ngành được tính theo cách Average (trung bình).

Tóm lại, trên cơ sở kết hợp một số phương pháp định giá nêu trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu BTW sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 25% vốn điều lệ.

Tuy nhiên, sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân thủ theo Điều 11 Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2015 quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại ngày 15/05/2017, tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là 1.868.289 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 19,96%.

7. Các loại thuế có liên quan

❖ **Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác nhận trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - Ưu đãi thuế đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống tuyến ống cấp 3:
 - + Theo Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 20% trong thời gian 10 năm (2007-2016); miễn thuế 2 năm (2007-2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong hai năm tiếp theo (2009-2011).

+ Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 20/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 10% từ năm 2015 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm (2015-2017).

- Thuế GTGT: Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ tài chính “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT ”.
- Đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác, nhượng bán vật tư: Áp dụng theo mức thuế suất thông thường.

❖ **Thuế liên quan đến hoạt động chứng khoán**

- Đối với nhà đầu tư cá nhân : Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Đối với nhà đầu tư tổ chức:
 - Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:
 - + Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
 - + Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.
 - Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Trụ sở chính: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 336 333 Fax: (08) 38 333 891

Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

Chi nhánh Sài Gòn: Số 60 – 70 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 218 666 Fax: (08) 39 144 136

Website: www.dag.vn

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 3824 1990 Fax: (04) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH

Phụ lục	Danh mục
Phụ lục I	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Phụ lục II	Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
Phụ lục III	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và Báo cáo tài chính soát xét năm 2017.
Phụ lục IV	Danh sách các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2017

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM THỊ THANH VÂN

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MƯỜI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH PHÚC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM HỒNG THẮNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HỮU CƯỜNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM

